

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Thị Huyền Trang

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
SỐ 9 HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Huyền Trang
Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương**

HẢI PHÒNG – 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Huyền Trang

Mã SV: 1012401413

Lớp: QT1406K

Ngành: Kế toán – Kiểm Toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp
 - Mô tả phân tích thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.
 - Đề xuất giải pháp Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Số liệu về thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng năm 2012
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.
 - Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng
 - Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn:

Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:

Học hàm, học vị:

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 04 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHẢN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chịu khó học hỏi, nghiên cứu tài liệu phục vụ cho quá trình thực hiện đề tài nghiên cứu
- Tuân thủ nghiêm túc yêu cầu về thời gian và nội dung nghiên cứu

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Về mặt lý luận: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về đối tượng nghiên cứu
- Về mặt thực tế: Tác giả đã phản ánh được thực trạng của đối tượng nghiên cứu
- Những giải pháp mà tác giả đề xuất đã gắn với thực tiễn và có tính khả thi

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

.....
.....
.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	2
1.2 NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	2
1.2.1 <i>Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu. ...</i>	2
1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	2
1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	8
1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác.....	9
1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	11
1.2.2. <i>Tổ chức kế toán chi phí</i>	14
1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán.....	14
1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	17
1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính	22
1.2.2.4 Kế toán chi phí khác.....	24
1.2.3 <i>Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....</i>	26
1.3 NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	29
1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG	31
2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.....	31
2.1.1 <i>Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.....</i>	31

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.....	31
2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.	32
2.1.4 Đặc điểm của tổ chức công tác kế toán Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.	32
2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	32
2.1.4.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.....	33
2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.	35
2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Công ty.	35
2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.....	35
2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính	42
2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác.....	47
2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.	51
2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán.....	51
2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính	57
2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng.....	62
2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.....	63
2.2.2.5 Kế toán chi phí khác:.....	70
2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	71
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.....	84
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.....	84
3.1.1. Kết quả đạt được:.....	84
3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán.....	84
3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	84

3.1.2 Hạn chế:	85
3.1.2.1 Về sổ sách sử dụng	85
3.1.2.2 Chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:	86
3.1.2.4 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin.....	86
3.2 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN, DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.	86
3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:	86
3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng	87
3.2.2.1 Hoàn thiện sổ sách sử dụng.....	87
3.2.2.2 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán:	91
3.2.2.3 Về việc áp dụng phần mềm kế toán:	91
3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.....	93
KẾT LUẬN	94
TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	95

LỜI MỞ ĐẦU

Trong quá trình quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới diễn ra nhanh và mạnh mẽ đã tạo ra rất nhiều điều kiện thuận lợi cho những quốc gia phát triển như Việt Nam. Việc trở thành một trong những thành viên chính thức của tổ chức thương mại thế giới WTO (11/2006) là một thuận lợi nhưng cũng chính là một thách thức khó khăn với nền kinh tế của nước ta nói chung và các doanh nghiệp, công ty nói riêng. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là những chỉ tiêu đích thực phản ánh tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Với bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đặt doanh thu thực hiện cao nhất với chi phí thấp nhất để thu được kết quả cao nhất. Vấn đề quan trọng là làm thế nào để đạt tối đa hiệu quả quá trình kinh doanh. Đây cũng chính là câu hỏi mà các nhà quản lý doanh nghiệp phải suy nghĩ.

Nhận thức được tầm quan trọng của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp cùng với việc vận dụng lý luận đã được học tại trường lớp kết hợp với thực tế thu nhận được từ công tác kế toán tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng đặc biệt là sự giúp đỡ tận tình của Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương cùng với cán bộ nhân viên phòng kế toán trong công ty em đã chọn đề tài “*Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.*” làm đề tài khóa luận tốt nghiệp.

Nội dung của khóa luận tốt nghiệp ngoài phần mở đầu và kết luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

CHƯƠNG 1:
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH
TRONG DOANH NGHIỆP

1.1 SỰ CẦN THIẾT PHẢI TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, các doanh nghiệp muốn tồn tại và phát triển phải tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả, mà hiệu quả cuối cùng phải được phản ánh thông qua chỉ tiêu tổng lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, các yếu tố liên quan đến việc xác định lợi nhuận là doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí. Doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng đến sự tồn tại phát triển của doanh nghiệp. Do đó, doanh nghiệp cần phải quản lý chặt chẽ kế toán doanh thu chi phí để nắm bắt được tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, từ đó đẩy mạnh việc kinh doanh nhằm đạt được hiệu quả tốt nhất. Tổ chức kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng không chỉ đóng vai trò quan trọng đối với nhà quản lý doanh nghiệp, mà còn rất cần thiết đối với các đối tượng khác như các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

1.2 NỘI DUNG CỦA TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.2.1 Tổ chức kế toán doanh thu, thu nhập và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

➤ **Khái niệm**

✓ **Doanh thu:** là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

✓ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:** là toàn bộ số tiền doanh nghiệp thu được và sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

✓

➤ Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- ✓ Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- ✓ Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- ✓ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- ✓ Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- ✓ Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➤ Một số nguyên tắc khi hạch toán doanh thu:

- ✓ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền hoặc sẽ thu được tiền từ việc bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có);
- ✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT;
- ✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT hoặc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán;
- ✓ Đối với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu);.....

➤ Các phương thức bán hàng:

✓ *Phương thức bán hàng trực tiếp:* là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại quầy bán hàng của doanh nghiệp. Sau khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn bán hàng thì số hàng đã bàn giao được chính thức xác định là tiêu thụ.

✓ *Phương thức bán hàng qua đại lý:* Là phương thức mà bên chủ hàng xuất hàng giao cho bên nhận đại lý để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

Khoá luận tốt nghiệp

✓ *Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp*: Khách hàng sẽ thanh toán tiền hàng thành nhiều lần. Lần đầu vào thời điểm mua, số tiền còn lại người mua sẽ trả dần ở các kỳ tiếp theo và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định cho số tiền trả chậm. Về mặt hạch toán khi giao hàng cho người mua, thu được tiền hoặc xác định được phần người mua phải trả thì hàng hóa được coi là tiêu thụ.

✓ *Phương thức hàng đổi hàng*: Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

✓ *Phương thức tiêu thụ nội bộ*: Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa các đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty...

➤ **Chứng từ sử dụng:**

✓ Hóa đơn GTGT (đối với đơn vị hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ).

✓ Hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp)

✓ Hợp đồng kinh tế

✓ Phiếu thu hoặc giấy báo có của ngân hàng

✓ Các chứng từ liên quan khác

➤ **Tài khoản sử dụng:**

📌 TK511 – “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”

TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” có 5 tài khoản cấp 2:

✓ Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

✓ Tài khoản 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm

✓ Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

✓ Tài khoản 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá

✓ Tài khoản 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản

✓ Tài khoản 5118 – Doanh thu khác

Khoá luận tốt nghiệp

▪ Kết cấu tài khoản 511

Nợ	TK511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán; - Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp; - Doanh thu bán hàng bị trả lại, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ; - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 – “Xác định kết quả kinh doanh”. 		<ul style="list-style-type: none"> -Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 511 không có số dư cuối kỳ

✚ TK512 – “Doanh thu bán hàng nội bộ”

➤ Khái niệm

Doanh thu bán hàng nội bộ phản ánh lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm và cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc, hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

➤ Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ, có 3 tài khoản cấp 2:

- ✓ Tài khoản 5121: Doanh thu bán hàng hóa
- ✓ Tài khoản 5122: Doanh thu bán các thành phẩm
- ✓ Tài khoản 5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khoá luận tốt nghiệp

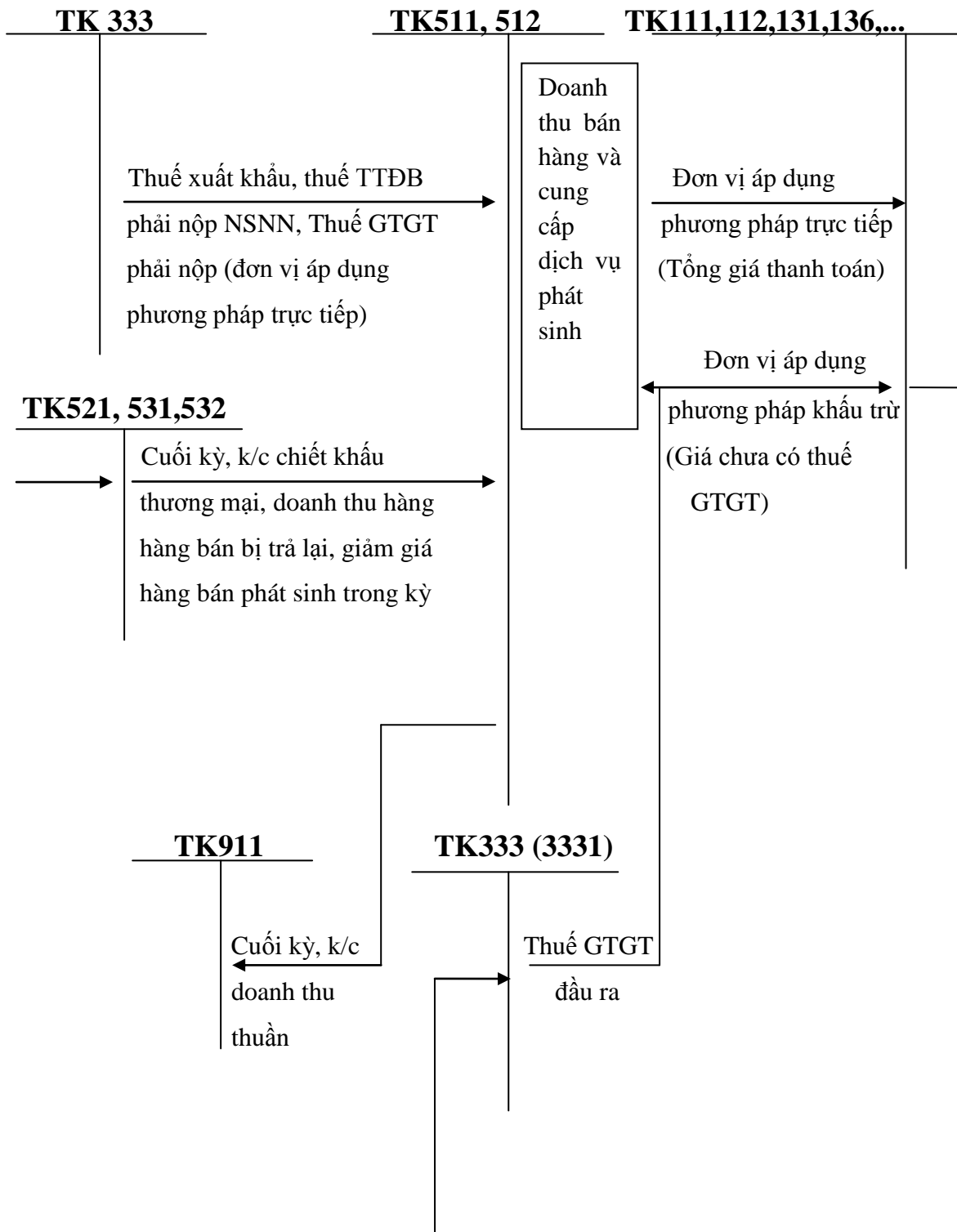
▪ *Kết cấu của tài khoản 512*

Nợ	TK512	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá HBBTL, khoản GGHB đã được chấp nhận trên khối lượng đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;- Số thuế TTĐB phải nộp theo số sp, hhdv tiêu thụ nội bộ;- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sp, hhdv tiêu thụ nội bộ;- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK911 – “Xác định kết quả hoạt động kinh doanh”.		<p>- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 512 không có số dư cuối kỳ~~

➤ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.1 Kế toán tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Chiết khấu thương mại, doanh thu hàng bán bị trả lại, hoặc giảm giá hàng bán phát sinh trong kỳ

1.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

➤ **Khái niệm**

Doanh thu hoạt động tài chính: là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ hạch toán phát sinh liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu và tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

➤ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Giấy báo lãi
- ✓ Giấy báo có của ngân hàng
- ✓ Bản sao kê của ngân hàng
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Phiếu thu và các chứng từ khác có liên quan

➤ **Tài khoản sử dụng**

TK515 “Doanh thu hoạt động tài chính”

▪ *Kết cấu của TK515:*

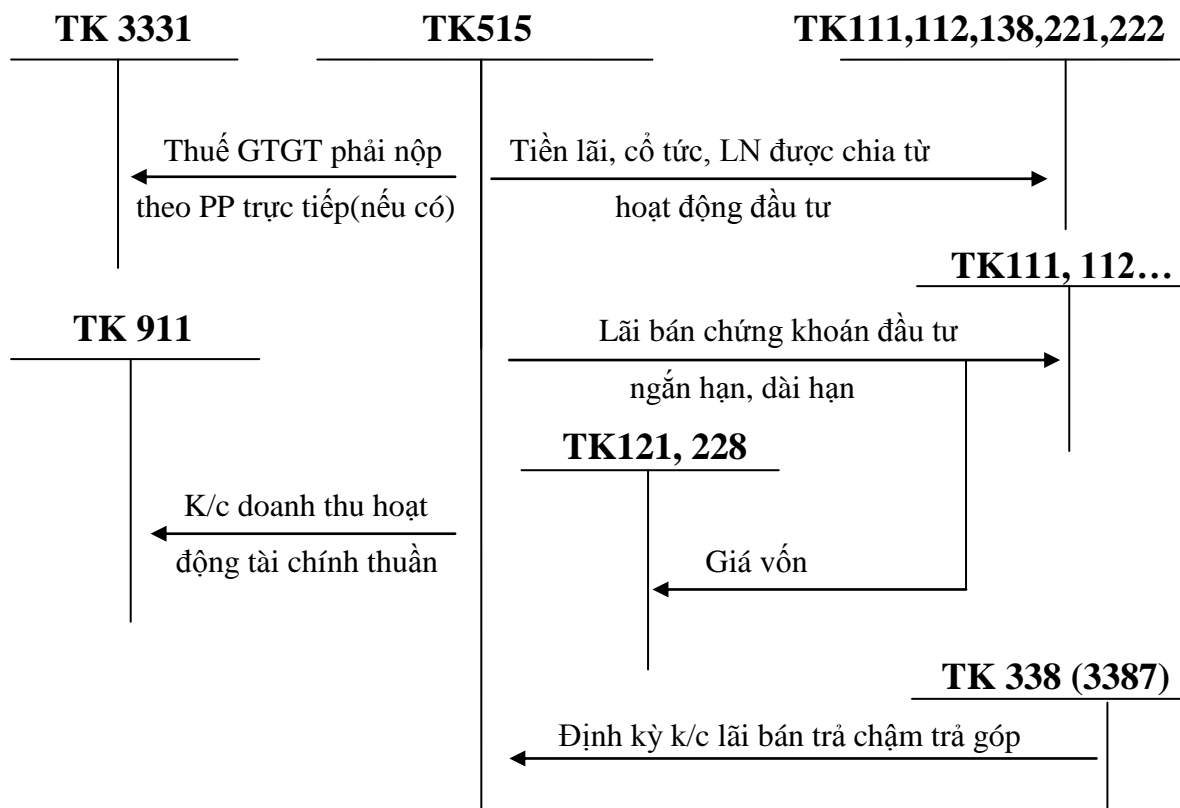
Nợ	TK515	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài khoản 911- “Xác định kết quả kinh doanh”.	<ul style="list-style-type: none">- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;- Chiết khấu thanh toán được hưởng;- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động kinh doanh;	
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 515 không có số dư cuối kỳ~~

Khoá luận tốt nghiệp

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.2: Kế toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.1.3. Kế toán thu nhập khác

➤ Khái niệm

Thu nhập khác: Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

- ✓ Thu về nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- ✓ Thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng;
- ✓ Thu tiền bảo hiểm được bồi thường;
- ✓ Thu được các khoản nợ phải trả không xác định được chủ;

.....

➤ Chứng từ sử dụng

- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng...
- ✓ Chứng từ khác như: Biên bản thanh lý TSCĐ, HĐKT...

➤ Tài khoản sử dụng

TK711” Thu nhập khác”

Khoá luận tốt nghiệp

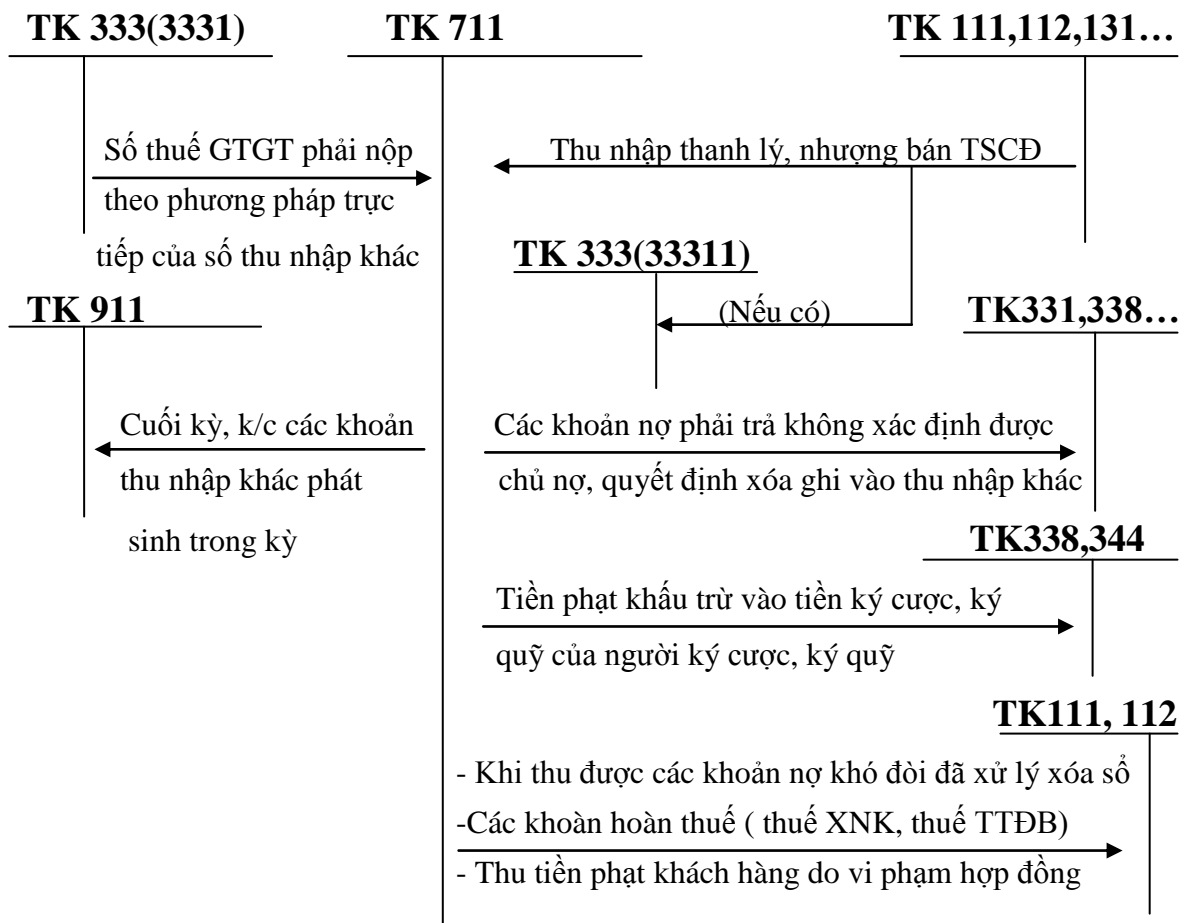
- *Kết cấu của tài khoản 711*

Nợ	TK711	Có
-Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp -Cuối kỳ, kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK911” Xác định kết quả kinh doanh”.		-Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 711 không có số dư cuối kỳ~~

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.3: Kế toán thu nhập khác



1.2.1.4. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

➤ **Khái niệm**

✚ **Chiết khấu thương mại:** khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

✓ Trường hợp mua hàng nhiều lần mới đạt được lượng hưởng chiết khấu thì khoản chiết khấu thương mại này được ghi giảm trừ vào giá bán trên “Hóa đơn GTGT” hoặc “Hóa đơn bán hàng” lần cuối cùng.

✓ Trường hợp người mua hàng với khối lượng lớn được hưởng chiết khấu thương mại, giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm giá (đã trừ chiết khấu thương mại) thì khoản chiết khấu thương mại này không được hạch toán vào TK521. Doanh thu bán hàng phản ánh theo giá đã trừ chiết khấu thương mại.

✚ **Hàng bán bị trả lại:** Là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán.

✓ Hàng bán bị trả lại phải có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hóa đơn (Nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (Nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp số hàng nói trên.

✚ **Giảm giá hàng bán**

✓ Là khoản giảm trừ cho người mua do hàng hóa kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu.

✚ **Thuế TTĐB, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo PP trực tiếp:**

$$\text{GTGT của hàng hóa, dịch vụ} = \text{Doanh số hàng hóa, dịch vụ bán ra} - \text{Giá vốn hàng hóa, dịch vụ bán ra}$$

➤ **Chứng từ sử dụng:** hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng, phiếu chi, giấy báo nợ, hợp đồng mua bán, các chứng từ liên quan...

➤ **Tài khoản sử dụng:**

• **Tài khoản 521 “ Chiết khấu thương mại”**

▪ Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại có 3 tài khoản cấp 2:

- ✓ Tài khoản 5211 – Chiết khấu hàng hóa
- ✓ Tài khoản 5212 – Chiết khấu thành phẩm
- ✓ Tài khoản 5213 – Chiết khấu dịch vụ

Khoá luận tốt nghiệp

▪ *Kết cấu của TK521*

Nợ	TK521	Có
-Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.		-Kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 521 không có số dư cuối kỳ~~

• **TK 531 “ Hàng bán bị trả lại”**

▪ *Kết cấu của TK531:*

Nợ	TK531	Có
-Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.		-Kết chuyển doanh thu của hàng bị trả lại hoặc phát sinh trong kỳ sang TK511 hoặc TK512 để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 531 không có số dư cuối kỳ~~

Khoá luận tốt nghiệp

- **TK532: “Giảm giá hàng bán”**

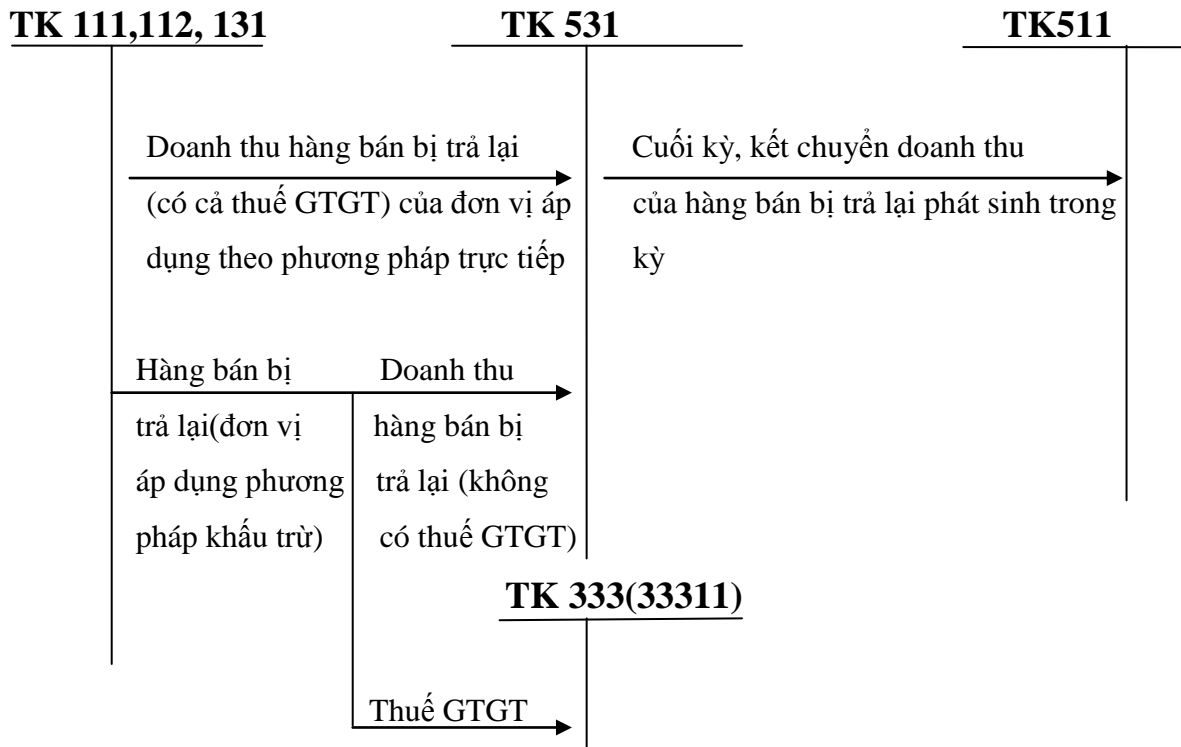
- *Kết cấu của TK532*

Nợ	TK532	Có
-Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.		-Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang TK511 hoặc TK512.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 532 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.**

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Tổ chức kế toán chi phí

+ Khái niệm

Chi phí nói chung là sự hao phí thể hiện bằng tiền trong quá trình kinh doanh với mong muốn mang về một sản phẩm dịch vụ hoàn thành hoặc một kết quả kinh doanh nhất định. Chi phí phát sinh trong các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ nhằm đạt đến mục tiêu cuối cùng của doanh nghiệp là doanh thu và lợi nhuận

1.2.2.1. Kế toán giá vốn hàng bán

+ Khái niệm

Giá vốn hàng bán: giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hóa (hoặc bao gồm chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

+ Phương pháp tính trị giá vốn hàng bán:

➤ *Phương pháp bình quân gia quyền:*

✓ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá SP, HH trong kỳ}}{\text{Số lượng SP, HH tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng SP, HH nhập trong kỳ}}$$

☞ Ưu điểm là đơn giản, dễ thực hiện, nhưng nhược điểm là công việc sẽ dồn vào cuối kỳ, ảnh hưởng tới tiến độ của các phần hành khác và không phản ánh kịp thời tình hình biến động của hàng hóa.

✓ Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập:

$$\text{Đơn giá xuất kho} = \frac{\text{Trị giá thực tế sản phẩm, HH tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng SP, HH thực tế tồn kho sau mỗi lần nhập}}$$

☞ Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

➤ *Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO):*

Phương pháp này áp dụng dựa trên giả định là hàng được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng còn lại cuối kỳ là hàng được mua hoặc sản xuất ở thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất

Khoá luận tốt nghiệp

kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

➤ **Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO):**

Phương pháp này giả định là hàng được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là những hàng được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá trị của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ.

➤ **Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán; chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

✚ **Chứng từ sử dụng:**

- ✓ Phiếu xuất kho
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

✚ **Tài khoản sử dụng:**

TK 632 “Giá vốn hàng bán”

① **Trường hợp doanh nghiệp kế toán HTK pp kê khai thường xuyên.**

▪ **Kết cấu nội dung TK632:**

Nợ	TK632	Có
-Trị giá vốn của SP, HH, DV đã tiêu thụ trong kỳ; - Chi phí nguyên vật liệu, nhân công, sản xuất chung cố định không phân bổ - Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.		- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”; - Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 632 không có số dư cuối kỳ~~

Khoá luận tốt nghiệp

② **Trường hợp doanh nghiệp kế toán HTK theo pp kiểm kê định kỳ:**

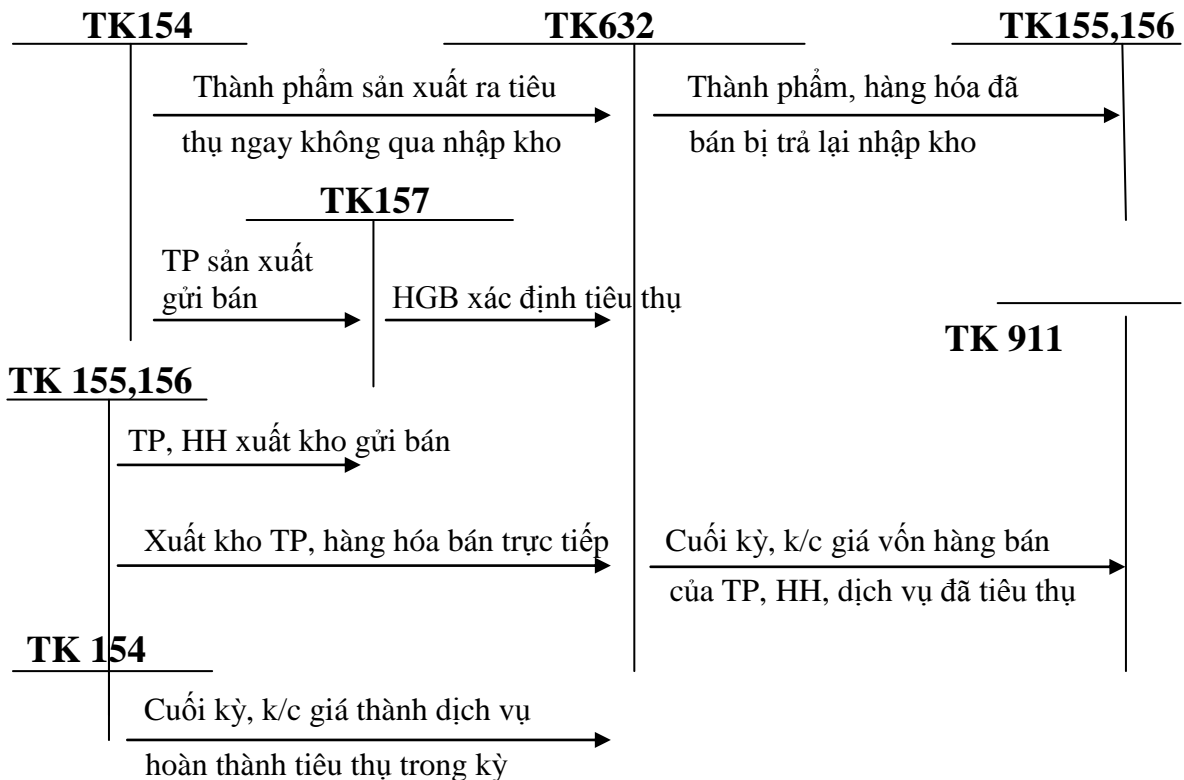
✓ *Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại, kế toán giá vốn hàng bán sử dụng thêm tài khoản 611 – “Mua hàng”*

Nợ	TK632	Có
- Trị giá hàng vốn của hàng hóa đã bán trong kỳ; - Số trích lập dự phòng giảm giá HTK (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).		- Kết chuyển giá vốn của hàng đã bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ; - Hoàn nhập dự phòng giảm giá HTK (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã nhập năm trước); - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK911.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

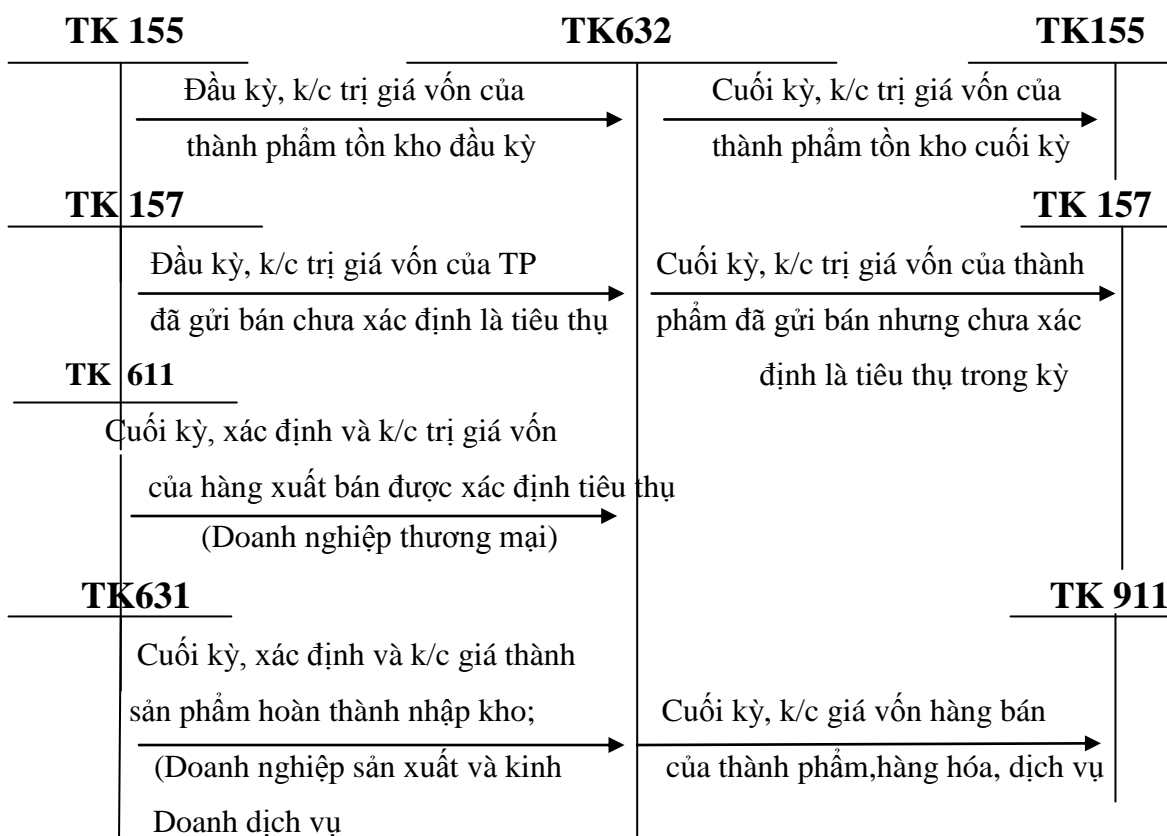
TK 632 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo PP kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.6: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.2.2 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Khái niệm

✓ **Chi phí bán hàng:** Là toàn bộ chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp gồm có: chi phí nhân viên bán hàng, chi phí vật liệu bao bì, chi phí khấu hao TSCĐ...

✓ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là toàn bộ chi phí liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính, quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp gồm có: chi phí của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu...

+ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11 – LĐTL)
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06 – TSCĐ)
- ✓ Bảng phân bổ nguyên vật liệu – công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 – VT)
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng (Mẫu số 01 GTGT – 3LL)
- ✓ Phiếu chi (Mẫu số 02 – VT)
- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng

Tài khoản sử dụng:

- **TK 641 “Chi phí bán hàng”**
 - ✓ TK6411 – Chi phí nhân viên
 - ✓ TK6412 – Chi phí vật liệu, bao bì
 - ✓ TK6413 - Chi phí dụng cụ, đồ dùng
 - ✓ TK6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ
 - ✓ TK6415 – Chi phí bảo hành
 - ✓ TK6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - ✓ TK6418 – Chi phí bằng tiền khác

- **TK 642 “ Chi phí quản lý doanh nghiệp”**
 - ✓ TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
 - ✓ TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
 - ✓ TK 6423 - Chi phí đồ dùng văn phòng
 - ✓ TK 6424 - Chi phí khấu hao tài sản cố định
 - ✓ TK 6425 - Thuế, phí và lệ phí
 - ✓ TK 6426 - Chi phí dự phòng
 - ✓ TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - ✓ TK 6428 - Chi phí bằng tiền khác

▪ *Kết cấu của TK 641*

Nợ	TK641	Có
- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.		- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” để tính kết quả kinh doanh trong kỳ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

~~TK 641 không có số dư cuối kỳ~~

Khoá luận tốt nghiệp

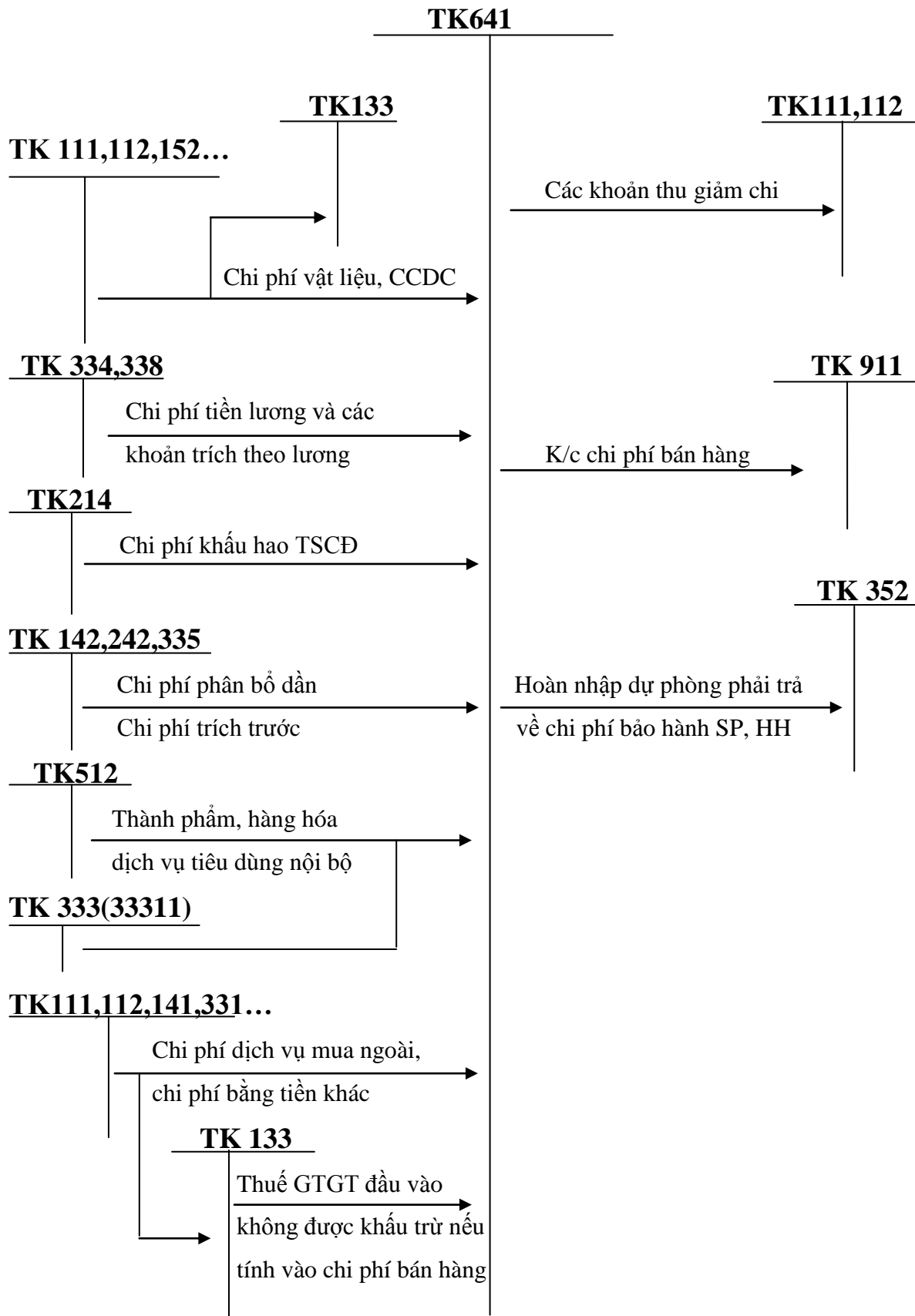
▪ *Kết cấu của TK642*

Nợ	TK642	Có
- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ; - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập trước kỳ chưa sử dụng hết)		- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, phải trả (Chênh lệch giữa dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn dự phòng đã lập kỳ trước chưa hết); - Kết chuyển chi phí vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

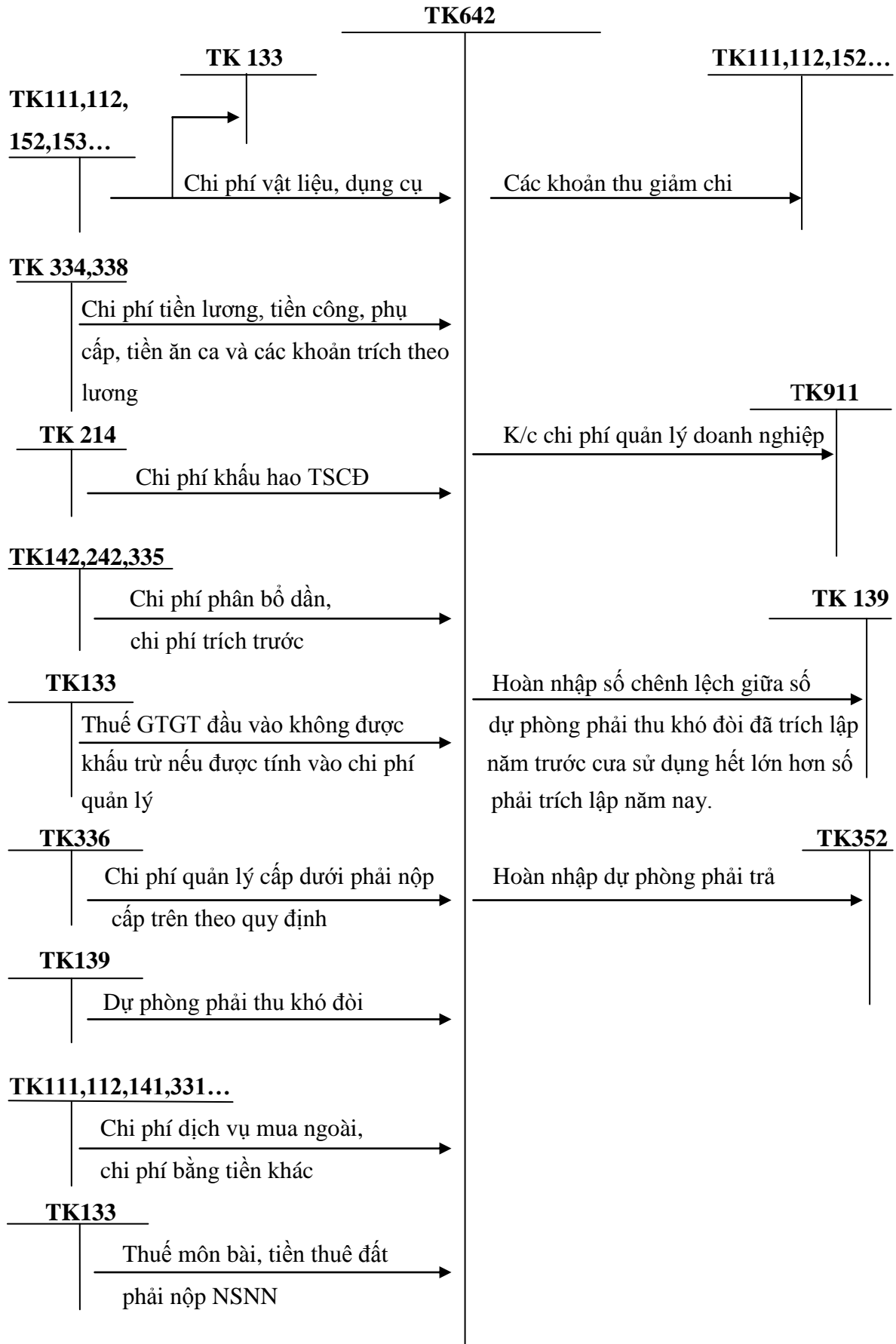
~~TK 642 không có số dư cuối kỳ~~

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Kế toán chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.8: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.2.3. Kế toán chi phí tài chính

✚ Khái niệm

Chi phí hoạt động tài chính: là các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ.

✚ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Giấy báo nợ của ngân hàng
- ✓ Hóa đơn giá trị gia tăng
- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Phiếu chi và các chứng từ khác có liên quan

✚ Tài khoản sử dụng:

➤ **TK635: Chi phí tài chính**

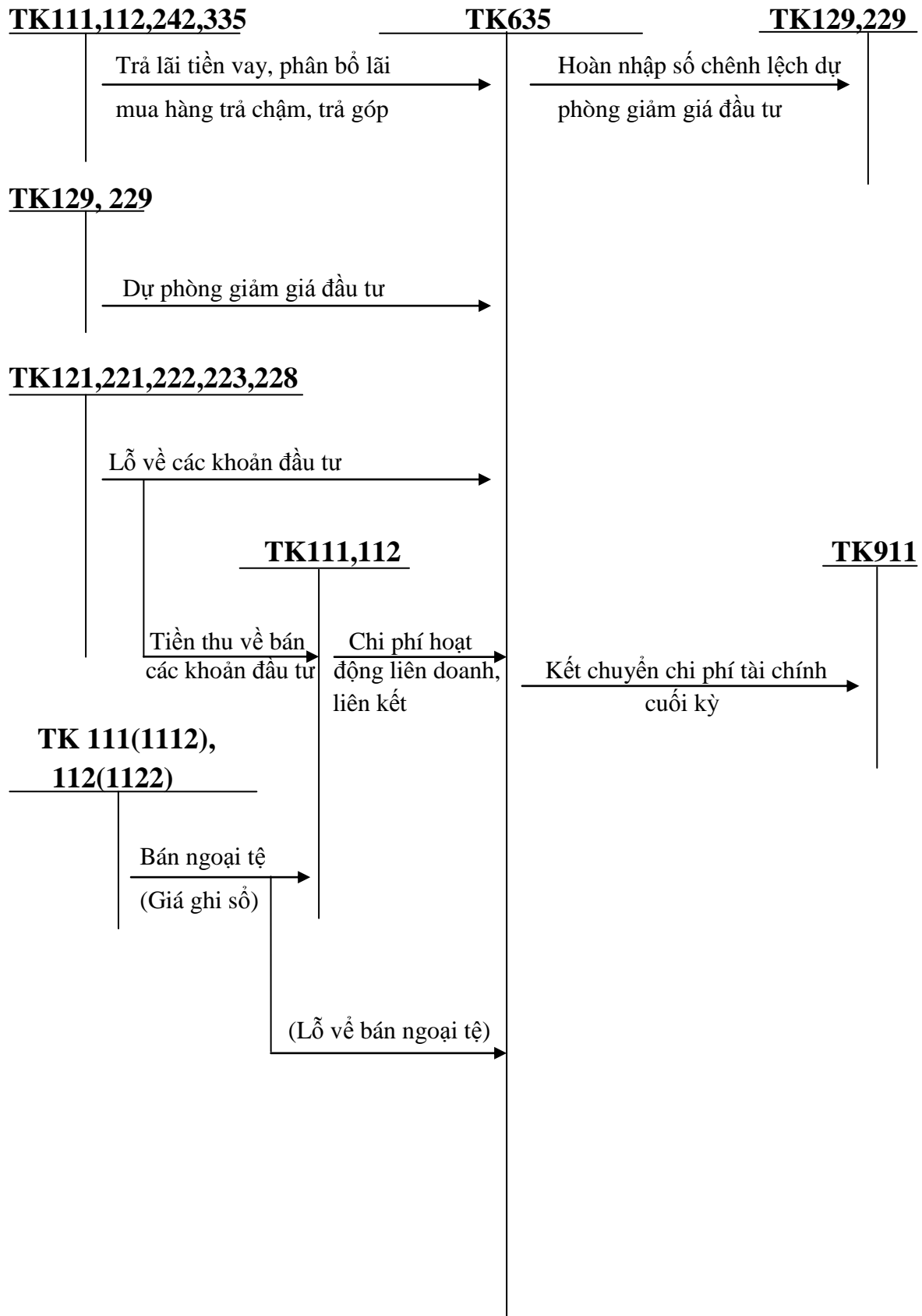
- *Kết cấu của TK635*

Nợ	TK635	Có
- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính; - Lỗ bán ngoại tệ; - Chiết khấu thanh toán cho người mua; - Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.		- Hoàn thành dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết); - Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có

TK 635 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.9: Kế toán chi phí tài chính



1.2.4.4 Kế toán chi phí khác

+ Khái niệm

Chi phí khác: Là những khoản chi phí khác phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp như:

- ✓ Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ
- ✓ Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán (nếu có)
- ✓ Tiền phạt vi phạm hợp đồng kinh tế, bị phạt thuế, truy thu thuế
- ✓ Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm hay bỏ sót khi ghi sổ kế toán
- ✓ Các khoản chi phí khác


+ Chứng từ sử dụng:

- ✓ Hóa đơn GTGT
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, ủy nhiệm chi, Giấy báo nợ của ngân hàng

- ✓ Phiếu kế toán
- ✓ Các chứng từ liên quan khác

+ Tài khoản sử dụng:

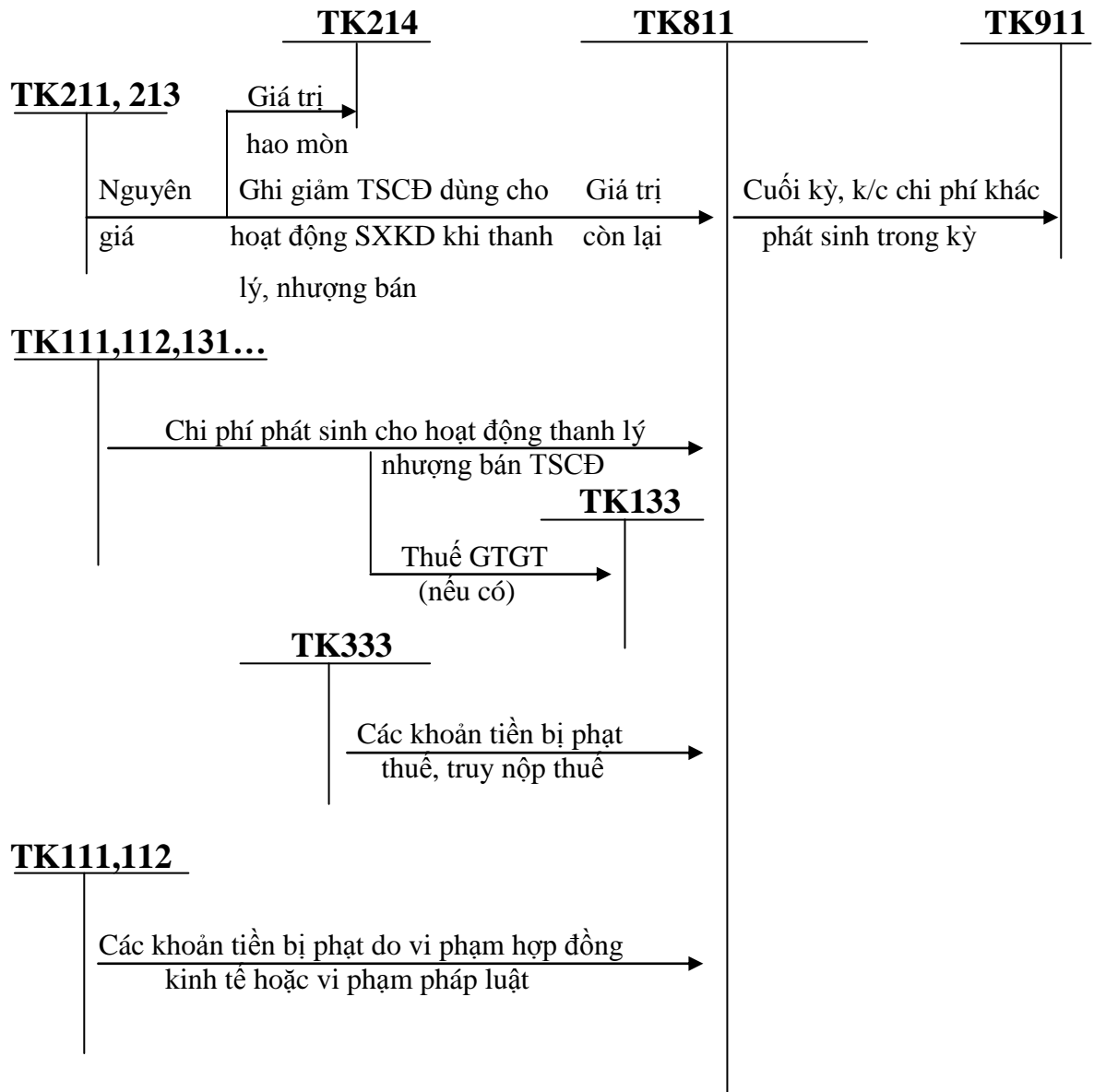
- *Kết cấu TK 811:*

Nợ	TK811	Có
- Tập hợp các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.		- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911” Xác định kết quả kinh doanh”.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có
		

TK 811 không có số dư cuối kỳ

➤ Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.10: Kế toán chi phí khác



1.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

+ Khái niệm

✓ **Kết quả hoạt động kinh doanh** là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định, đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp. Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm 3 hoạt động cơ bản:

✓ **Hoạt động sản xuất kinh doanh** là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, lao vụ, dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và sản xuất kinh doanh phụ.

✓ **Hoạt động tài chính:** là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời.

✓ **Hoạt động khác:** là hoạt động ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

➤ *Cách xác định kết quả kinh doanh cho từng hoạt động:*

+ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	=	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	-	Chi phí bán hàng	-	Chi phí quản lý DN
---------------------------------------	---	---	---	------------------	---	------------------	---	--------------------

Trong đó:

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
---	---	--	---	------------------------------

+ Kết quả hoạt động tài chính

Kết quả hoạt động tài chính	=	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính
-----------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------

+ Kết quả hoạt động khác:

Kết quả hoạt động khác	=	Thu nhập khác	-	Chi phí khác
------------------------	---	---------------	---	--------------

Khoá luận tốt nghiệp

✚ Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán

✚ Tài khoản sử dụng

➤ TK911” Xác định kết quả kinh doanh”

TK911 “Xác định kết quả kinh doanh” dùng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong một kỳ hạch toán.

- *Kết cấu của TK911 như sau:*

Nợ	TK911	Có
<ul style="list-style-type: none">- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;- Kết chuyển lãi.	TK911	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;- Doanh thu hoạt tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;- Kết chuyển lỗ.
Tổng số phát sinh nợ		Tổng số phát sinh có



TK 911 không có số dư cuối kỳ

➤ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.11: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3 NHIỆM VỤ CỦA KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ, kịp thời chính xác tình hình hiện có và sự biến động kịp thời của từng loại hàng hóa bán ra theo chỉ tiêu: số lượng, chất lượng, chủng loại, mẫu mã, giá trị...
- Lựa chọn phương pháp và xác định giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chỉ tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Phản ánh, tính toán và ghi chép đầy đủ kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và các khoản chi phí phục vụ công tác bán hàng như: chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, giá vốn hàng bán và các khoản thuế liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa
- Vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách và báo cáo kế toán phù hợp để thu thập, xử lý thông tin về tình hình biến động của sản phẩm, hàng hóa cũng như tình hình bán hàng và xác định kết quả kinh doanh nhằm cung cấp số liệu cho việc quyết toán đầy đủ và đúng hạn.


1.4. TỔ CHỨC SỔ SÁCH KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

Để phản ánh đầy đủ và kịp thời liên tục có hệ thống tình hình và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ sách và lưu giữ sổ kế toán theo đúng chế độ.

Các doanh nghiệp có thể áp dụng 5 chế độ kế toán như sau:

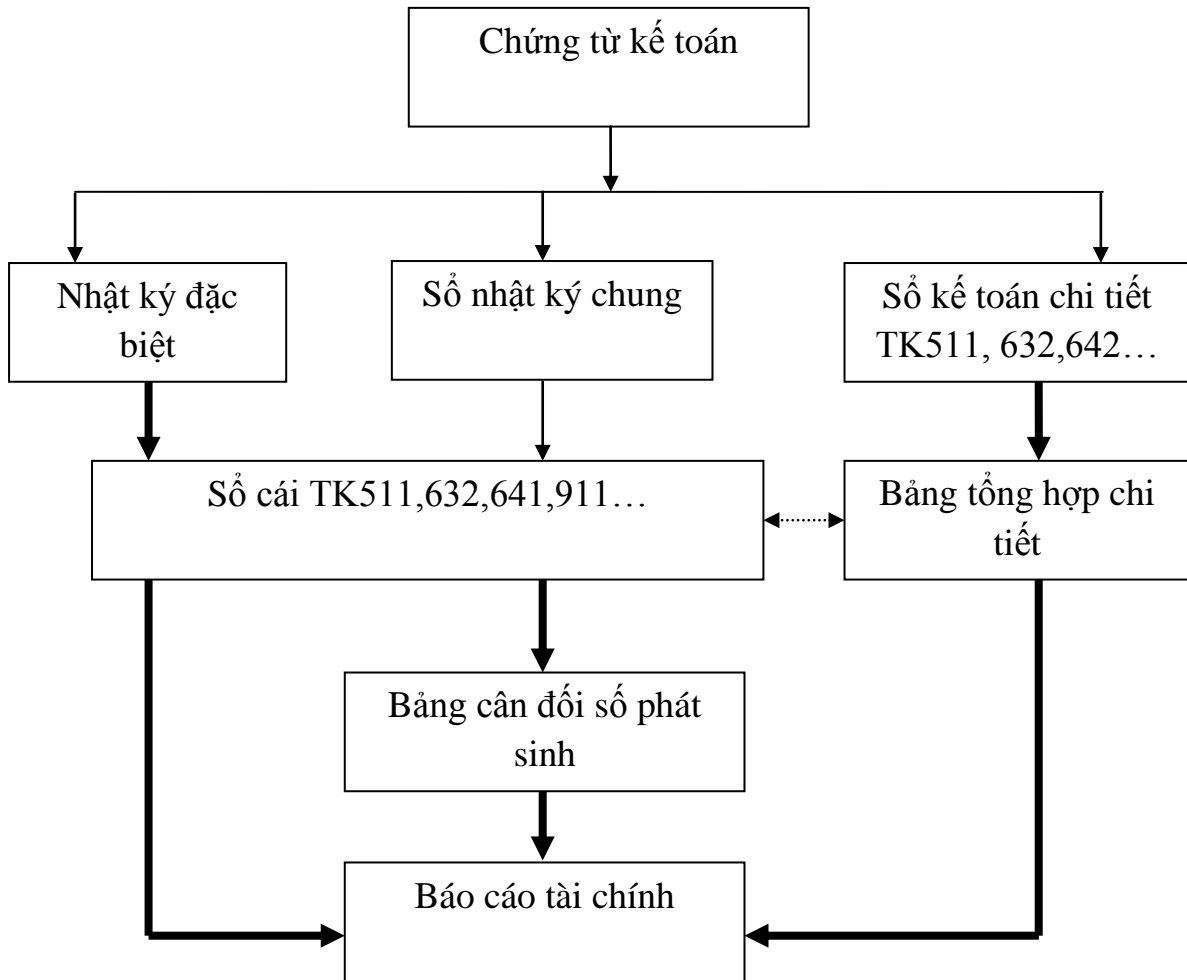
- + Hình thức Nhật ký chung.
- + Hình thức Chứng từ ghi sổ.
- + Hình thức Nhật ký – Sổ cái.
- + Hình thức Nhật ký – Chứng từ.
- + Hình thức kế toán trên máy vi tính

➤ **Hình thức Nhật ký chung:**

 **Đặc trưng cơ bản:** Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

✚ Các loại sổ chủ yếu: Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt; sổ cái, Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 1.12: Trình tự kế toán theo hình thức sau Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ
- ←-.-→ Quan hệ đối chiếu, kiểm tra

CHƯƠNG 2:

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG

2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

Công ty được thành lập từ tháng 10/1959, lúc đó chỉ là một phân xưởng đá kim loại khí thuộc Công ty đá sỏi Bộ xây dựng. Phân xưởng làm ăn ngày một phát triển và mở rộng quy mô sản xuất và trải qua nhiều khó khăn và sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường đến năm 1962 chuyển thành Xí nghiệp quốc doanh đá Minh Đức, sau quá trình sát nhập với Xí nghiệp đá Gia Đức năm 1976 và giải thể Xí nghiệp xi măng Minh Đức quản lý ... cuối cùng đến ngày 5/6/2006 đổi tên thành công ty cổ phần VLXD số 9 Hải Phòng.

-Trụ sở chính: thị trấn Minh Đức- huyện Thủy Nguyên- Hải Phòng

-Loại hình công ty: công ty cổ phần

-Mã số thuế: 0200154293

-Điện thoại/ fax: 031.3875372

-Số đăng ký kinh doanh: 0203002339

2.1.2 Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

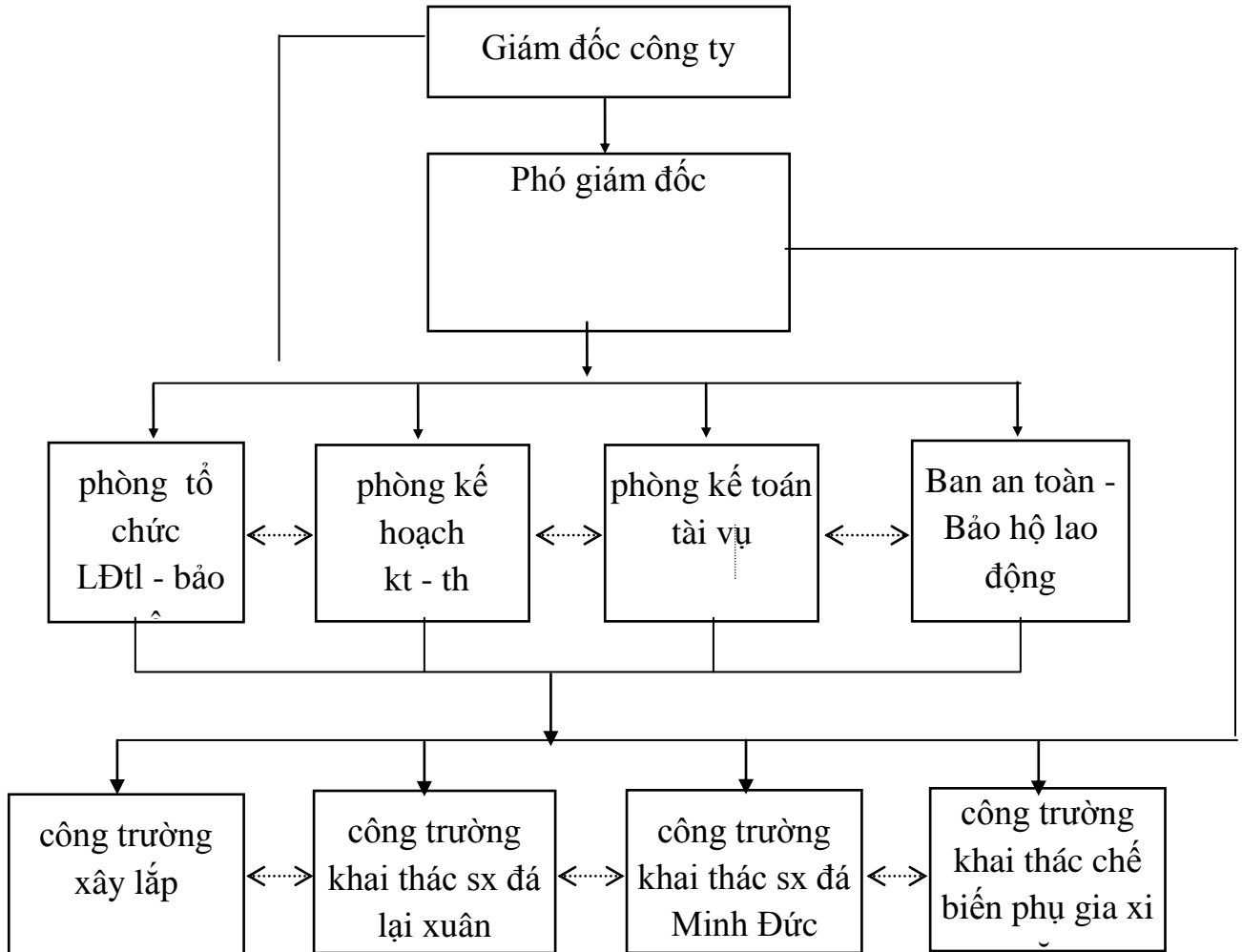
Công ty cổ phần VLXD số 9 Hải Phòng là công ty chuyên khai thác, chế biến đá xây dựng, phụ gia xi măng các loại cung cấp NVL không chỉ cho thị trường trong nước mà còn cả thị trường nước ngoài. Ngoài ra công ty còn xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh VLXD, vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa, bóc xếp hàng hóa đường sông và cảng sông, sản xuất bao bì bằng giấy, bìa và sản xuất bao bì từ

Ngành nghề kinh doanh chủ yếu của công ty:

- ✓ Khai thác và chế biến đá các loại.
- ✓ Khai thác và chế biến phụ gia xi măng các loại.
- ✓ Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng.
- ✓ Xuất khẩu đá, vật liệu xây dựng các loại.

2.1.3 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

Sơ đồ 2.1. Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của Công ty cổ phần xây dựng vật liệu số 9 Hải Phòng tổ chức theo mô hình sau:

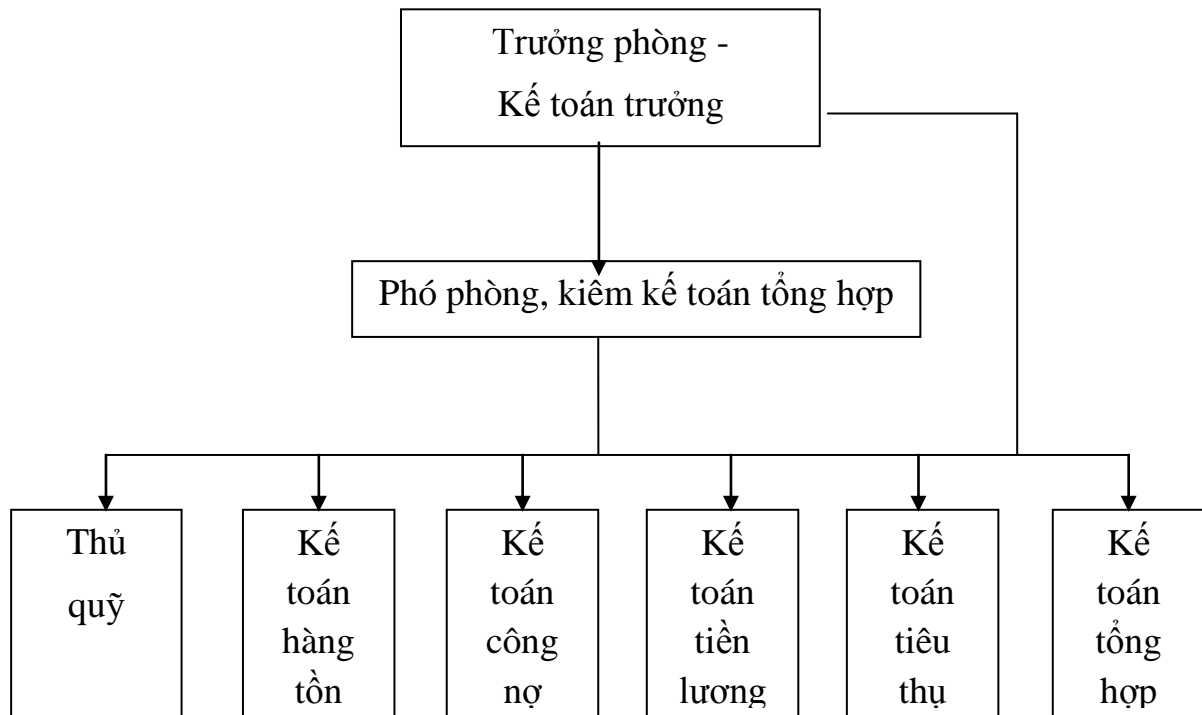


2.1.4 Đặc điểm của tổ chức công tác kế toán Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

2.1.4.1 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình kế toán tập trung. Theo phương pháp này, toàn bộ công tác kế toán đều tiến hành tập trung tại phòng kế toán tài vụ, ở các công trường không tổ chức bộ máy kế toán riêng mà chỉ bố trí các nhân viên phụ trách kế toán làm nhiệm vụ hướng dẫn, kiểm tra hạch toán ban đầu, thu thập chứng từ, tập hợp chi phí công trình và chuyển về phòng kế toán tập trung xử lý.

Sơ đồ 2.2 : Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



2.1.4.2 Hình thức kế toán, chế độ kế toán, phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

a) Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền

b) Chính sách kế toán với hàng tồn kho

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho (vật tư) : kê khai thường xuyên

c) Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

d) Ghi nhận và khấu hao TSCĐ

Tài sản được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế

Khấu hao TSCĐ được tính theo phương pháp đường thẳng, tỷ lệ khấu hao phù hợp Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của BTC

e) Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc

f) Quỹ tiền lương
Quỹ lương tài chính này được xác định trên cơ sở hợp đồng lao động được ký kết giữa ban lãnh đạo và người lao động

g) Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào thay đổi quyết định của 2 bên về giá hoặc khả năng trả lại hàng.

Khoá luận tốt nghiệp

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó

h) Chính sách thuế

Phương pháp tính thuế GTGT : theo phương pháp khấu trừ

Thuế GTGT

✓ Thuế suất 10% đối với tất cả các mặt hàng

Thuế TNDN

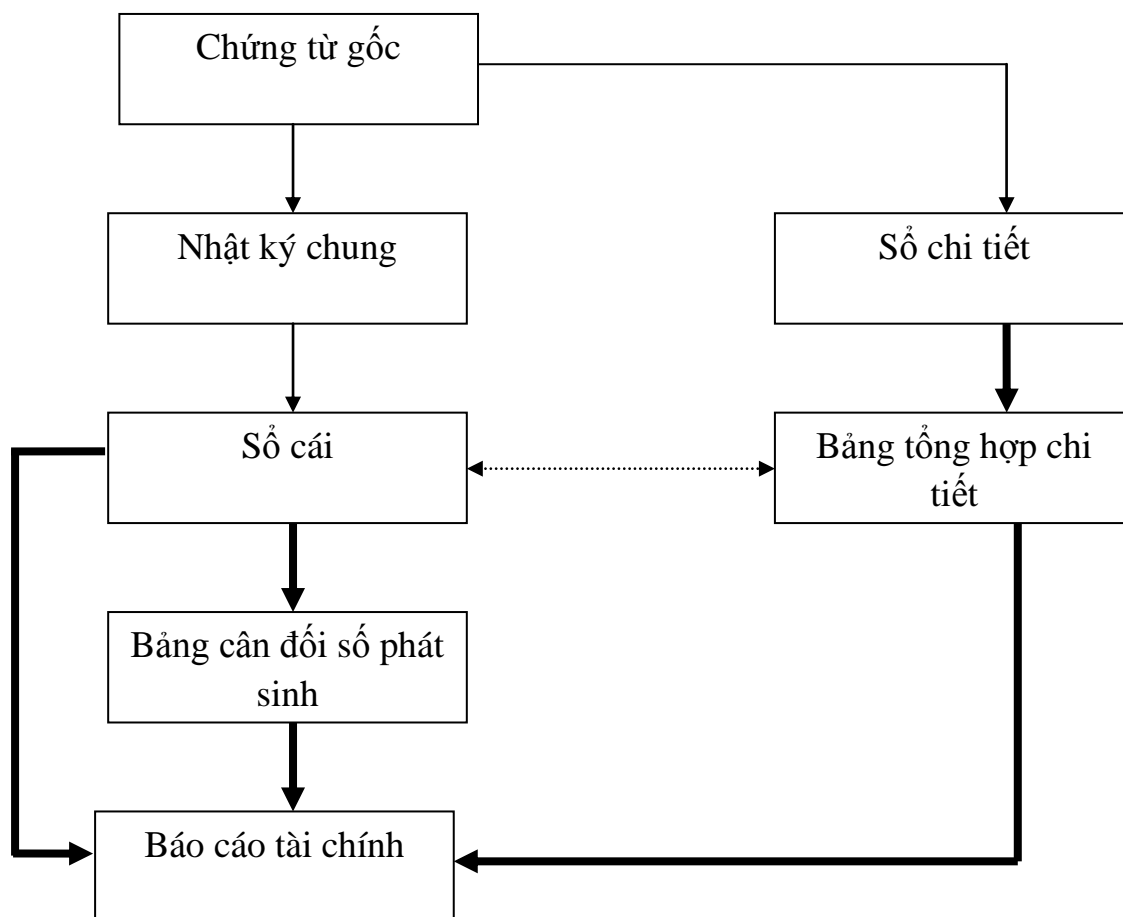
✓ Thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành

Hệ thống sổ sách mà chi nhánh công ty hiện tại đang dùng :

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái các tài khoản
- Các sổ kế toán chi tiết

Sơ đồ 2.3: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



Ghi chú: —————> Ghi hàng ngày
—————> Ghi cuối kỳ
<-----> Đối chiếu số liệu cuối kỳ

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc đã được kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản sao cho phù hợp. Đồng thời từ các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào Sổ chi tiết. Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ chi tiết tài khoản kế toán tiến hành lập Bảng tổng hợp chi tiết, sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính.

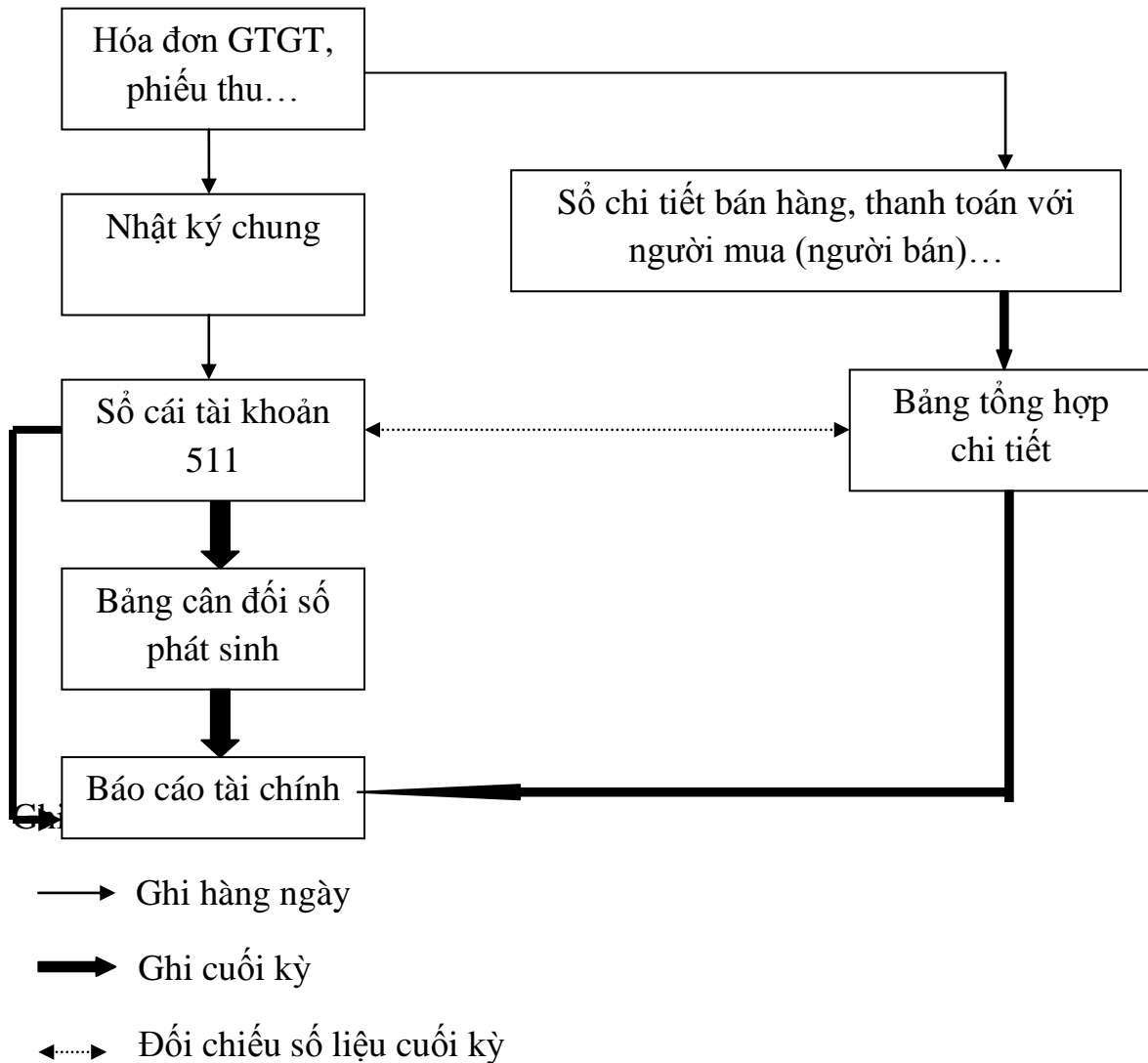
2.2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.

2.2.1 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác tại Công ty.

2.2.1.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty.

- ❖ **Chứng từ sử dụng:** Hóa đơn giá trị gia tăng, Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, Biên bản giao nhận, phiếu thu, giấy báo có, các chứng từ liên quan khác
- ❖ **Tài khoản sử dụng:** TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
 - + TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa (tiêu thụ đá đen, dịch vụ khai thác bóc xúc nghiền vận chuyển đá vôi, dịch vụ bảo vệ mặt bằng, tiêu thụ đá Diatomite).
- ❖ **Phương thức bán hàng:** Công ty áp dụng bán hàng trực tiếp.
- ❖ **Hình thức thanh toán:** tiền mặt, chuyển khoản

Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ số liệu trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái tài khoản 511,111,112,131... Đồng thời từ các chứng từ gốc ghi vào các Sổ chi tiết TK 131,511.... Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh, từ Sổ chi tiết tài khoản kế toán lập Bảng tổng hợp chi tiết. Để đảm bảo tính chính xác của số liệu, kế toán tiến hành đối chiếu, khớp số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 30/04/2012, công ty khai thác bốc xúc, nghiền và vận chuyển đá vôi theo hợp đồng CFC 09-149 số tiền là: 4.394.535.604 (chưa thuế GTGT 10%), khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0000083 (biểu số 2.2.1.1), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.2), đồng thời ghi vào sổ chi tiết bán hàng (biểu số 2.2.1.3). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK 511 (biểu số 2.2.1.5), TK131, TK 333.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Sổ Cái và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số: 2.2.1.1

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Liên 1: Lưu Ngày 30 tháng 04 năm 2012	Mẫu số: 01GTKT3/001 Ký hiệu: AA/11P Số:0000083				
Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG Mã số thuế: 0200154293 Địa chỉ: Thị trấn Minh Đức – Thủy Nguyên - Hải Phòng. Điện thoại: 031.3875372 * Fax: 031.3675437 Số tài khoản:.....					
Họ tên người mua hàng: Tên đơn vị: Công ty Xi măng Chinfon Mã số thuế: 0200110200 Địa chỉ: Minh Đức – Thủy Nguyên – Hải Phòng Hình thức thanh toán: Số tài khoản:					
STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Khai thác bóc xúc, nghiền và vận chuyển đá vôi theo hợp đồng CFC	Tấn	58.267,51	75.420	4.394.535.604
Cộng tiền hàng:					4.394.535.604
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		439.453.560
Tổng cộng tiền thanh toán:					4.833.989.164
Số tiền bằng chữ: Bốn tỷ tám trăm ba mươi ba triệu chín trăm tám chín nghìn một trăm sáu mươi tư đồng./					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)					

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.2.1.2

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
30/04	0000083	30/04	Khai thác bóc xúc nghiền vận chuyển đá vôi cho công ty xi măng Chinfon	131 5111	4.394.535.604	4.394.535.604
30/04	0000083	30/04	Thuế GTGT đầu ra khai thác xúc nghiền vận chuyển đá vôi	131 3331	439.453.560	439.453.560
.....
28/06	PC85/06	28/06	Thanh toán chi phí hành chính	642 111	3.550.000	3.550.000
28/06	PC85/06	28/06	Thuế GTGT đầu vào	1331 111	355.000	355.000
29/12	GBN39/1 2	29/12	Mua nguyên vật liệu	152 112	73.080.000	73.080.000
29/12	GBN39/1 2	29/12	Thuế GTGT đầu vào của nguyên liệu	1331 112	7.308.000	7.308.000
.....
			Cộng		406.148.122.169	406.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.3

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

Mẫu số: S35- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

TK: 51111

Tên sản phẩm: Đá vôi

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác(521,531,532)
.....
0000012	31/01	Bán cho công ty xi măng Chinfon	131	61.550,31	75.420	4.642.124.380		
0000083	30/04	Bán cho công ty xi măng Chinfon	131	58.267,51	75.420	4.394.535.604		
.....
0000260	29/12	Bán cho công ty xi măng Chinfon	131	41.653,87	75.420	3.141.534.875		
....
		Cộng				105.703.923.746		

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số: 2.2.1.5

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên TK: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
....
16/02	0000025	16/02	Doanh thu tiêu thụ đá đen	131		79.590.000
...
30/04	0000083	30/04	Doanh thu bán đá vôi cho công ty xi măng Chinfon	131		4.394.535.604
...
29/12	0000259	29/12	Doanh thu bán đá Diatomite	131		47.683.440
29/12	0000260	29/12	Doanh thu bán đá vôi cho công ty xi măng Chinfon	131		3.141.534.875
...
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	911	19.951.084.184	
			Cộng số phát sinh		45.669.721.385	45.669.721.385
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

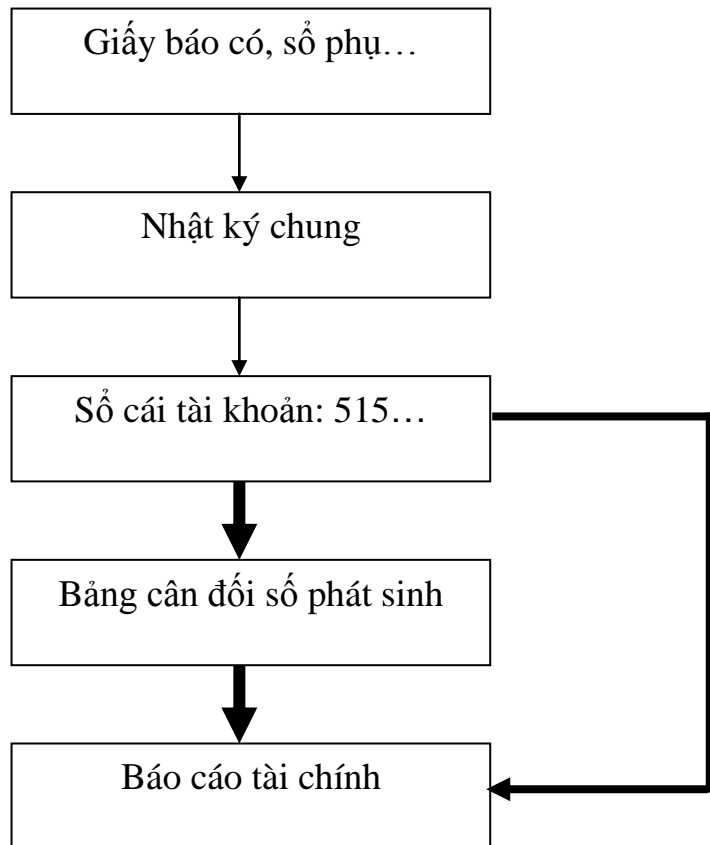
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.1.2 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng chỉ bao gồm lãi tiền gửi.

- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 515, TK 111, 112
- ❖ Chứng từ sử dụng: giấy báo lãi, phiếu thu, giấy báo có, sổ phụ

Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

➔ Ghi cuối kỳ

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái tài khoản 515....

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2012, công ty nhận được Giấy báo có của Ngân hàng của ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam- chi nhánh Thủy Nguyên Hải Phòng về lãi tiền gửi được hưởng, số tiền 3.204.477

✚ Căn cứ vào giấy báo có (biểu số 2.2.1.2.1), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.2.2). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK515 (biểu số 2.2.1.2.3) và các sổ cái có liên quan. Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Sổ Cái và Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu 2.2.1.2.1

**NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG
VIỆT NAM**

Ngày in/Printed date: 31/12/2012
Giao dịch viên/Teller: MAKER
Số giao dịch/Trans no:
AASF311212000054

GIẤY BÁO CÓ/CREDIT SLIP

Ngày/Date: 31/12/2012-41/12

ĐƠN VỊ THỤ HƯỞNG/BENEFICIARY

Tên tài khoản/Customer name: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY
DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG

Số tài khoản/Account number: 102010000750857

Tổng số tiền bằng số/ Amount:
3.204.477 VND

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN/PAYMENT

Tên tài khoản/Customer name:

Số tài khoản/Account number:

Số tiền bằng chữ/Amount in words: Ba triệu hai trăm lẻ tư nghìn bốn trăm bảy
bảy đồng.

Nội dung/Content: NHẬP LÃI TIỀN GỬI VÀO GỐC – 102010000750857

GIAO DỊCH VIÊN

KIỂM SOÁT

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.2.2

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số: S03a – DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
01/12	BN01/12	01/12	Mua vật liệu nổ	152 112	43.027.018	43.027.018
01/12	BN01/12	01/12	Thuế GTGT đầu vào của vật liệu nổ	1331 112	4.302.702	4.302.702
....
12/12	PT23/12	12/12	Rút tiền gửi NHHB về tiền mặt	111 112	1.500.000.000	1.500.000.000
16/12	PC35/12	16/12	Thanh toán chi phí hành chính	642 111	2.117.300	2.117.300
16/12	PC35/12	16/12	Thuế GTGT đầu vào chi phí hành chính	1331 331	211.730	211.730
...
31/12	GBC41/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng TMCPCTVN chi nhánh thủy nguyên	112 515	3.204.477	3.204.477
31/12	PKT62	31/12	K/c doanh thu hoạt động tài chính	515 911	40.510.898	40.510.898
....
Cộng					406.148.122.169	406.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.1.2.3

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số: S03b- DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên TK: Doanh thu hoạt động tài chính

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
...
31/3	GBC14/12	31/03	Lãi tiền gửi ngân hàng Hồng Bàng	112		1.796.807
26/04	GBC25/12	26/04	Lãi tiền gửi ngân hàng TMCPCTVN- chi nhánh Thủy Nguyên	112		6.400
30/09	GBC30/12	30/09	Lãi tiền gửi ngân hàng Hồng Bàng	112		2.017.201
...
31/12	GBC41/12	31/12	Lãi tiền gửi ngân hàng TMCPCTVN- Thủy Nguyên	112		3.204.477
....
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	911	40.510.898	
			Cộng số phát sinh		40.510.898	40.510.898
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

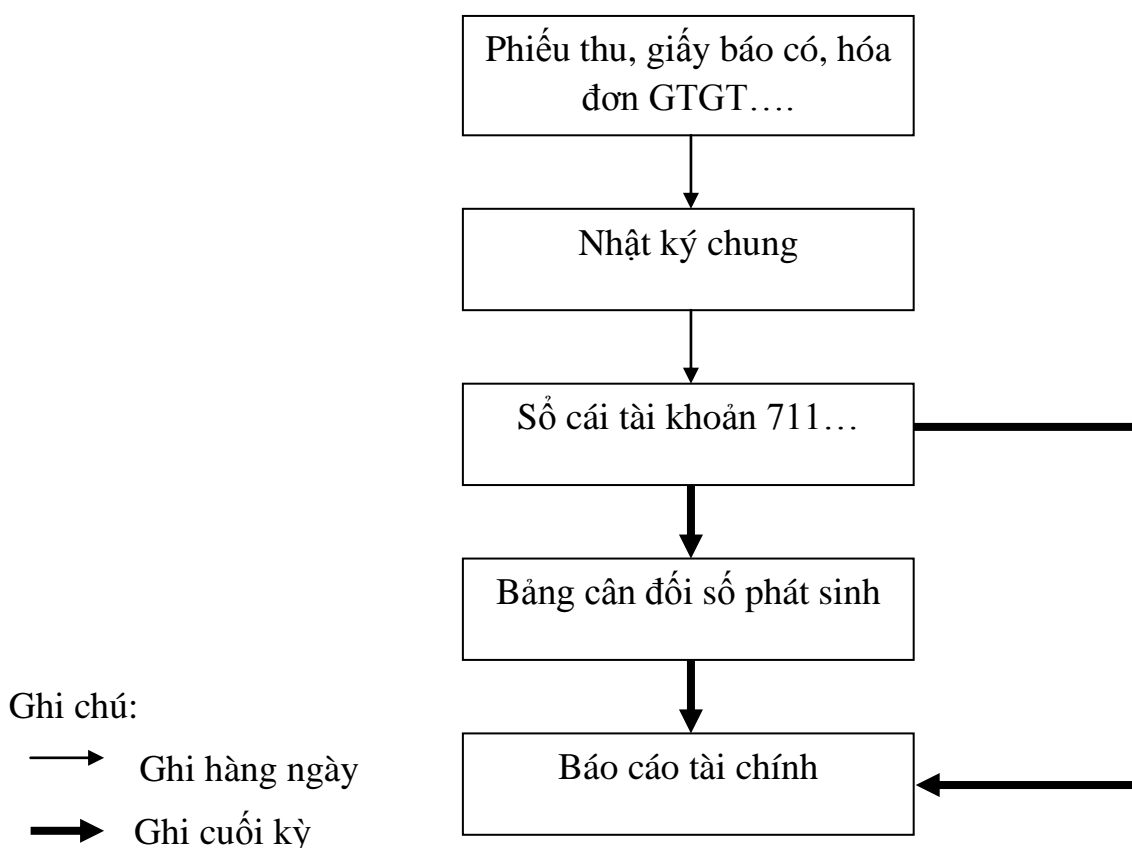
Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.1.3 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng là thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định.

- ❖ Chứng từ sử dụng: giấy báo có, phiếu thu, hóa đơn GTGT, các chứng từ khác có liên quan.
- ❖ Tài khoản sử dụng: TK 711- Thu nhập khác

Sơ đồ 2.6: Quy trình hạch toán Thu nhập khác tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



Ví dụ: Ngày 30/06/2012 công ty tiến hành thanh lý tài sản nhà cửa, vật kiến trúc tại công trường xã Kỳ Sơn

Kế toán lập hóa đơn GTGT số 0000152 (biểu số 2.2.1.3.1). Căn cứ vào hóa đơn GTGT kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.1.3.2), sau đó ghi vào sổ cái TK711(biểu số: 2.2.1.3.3). Cuối kỳ, từ sổ cái các tài khoản sử dụng lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh sẽ được sử dụng lập Báo cáo tài chính.

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số: 2.2.1.3.1

HÓA ĐƠN
GIÁ TRỊ GIA TĂNG
Liên 1: Lưu
Ngày 30 tháng 06 năm
2012

Mẫu số: 01GTKT3/001
Ký hiệu: AA/11P
Số: 0000152

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG
Mã số thuế: 0200154293
Địa chỉ: Thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.
Điện thoại: 031.3875372
Số tài khoản:.....

Họ tên người mua hàng: Hoàng Văn Long
Tên đơn vị:
Mã số thuế:

Địa chỉ: An Lư, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

Hình thức thanh toán:

Số tài khoản:

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Thanh lý tài sản nhà cửa, vật kiến trúc tại công trường xã Kỳ Sơn				227.272.727
Cộng tiền hàng:					227.272.727
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			22.727.272
Tổng cộng tiền thanh toán:					249.999.999

Số tiền bằng chữ: Hai trăm bốn chín triệu chín trăm chín mươi chín nghìn chín trăm chín mươi chín đồng.

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số: 2.2.1.3.2

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
15/06	PT58/6	15/06	Rút tiền gửi ngân hàng Thủy Nguyên về nhập quỹ	111 112	1.500.000.000	1.500.000.000
30/06	0000152	30/06	Thanh lý tài sản nhà cửa vật kiến trúc tại công trường xã Kỳ Sơn	131 711	227.272.727	227.272.727
30/06	0000152	30/06	Thuế GTGT đầu ra	131 3331	22.727.272	22.727.272
...
22/12	0000354	22/12	Thanh toán chi phí tiếp khách	642 111	2.590.000	2.590.000
22/12	0000354	22/12	Thuế GTGT đầu vào	1331 111	259.000	259.000
29/12	0000260	29/12	Bán đá vôi cho công ty xi măng Chinfon	131 511	3.141.534.875	3.141.534.875
29/12	0000260	29/12	Thuế GTGT đầu ra		314.153.487	314.153.487
...
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	351.367.749	351.367.749
...
			Cộng		406.148.122.169	406.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

Biểu số: 2.2.1.3.3

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 711

Tên TK: Thu nhập khác

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
19/06	GBC20/6	19/06	Cn Viettel Hải Phòng trả tiền điện trạm HPG	112		22.254.301
.....
30/06	0000152	30/06	Thanh lý tài sản nhà cửa vật kiến trúc tại công trường xã Kỳ Sơn	131		227.272.727
...
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	911	351.367.749	
			Cộng số phát sinh		351.367.749	351.367.749
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

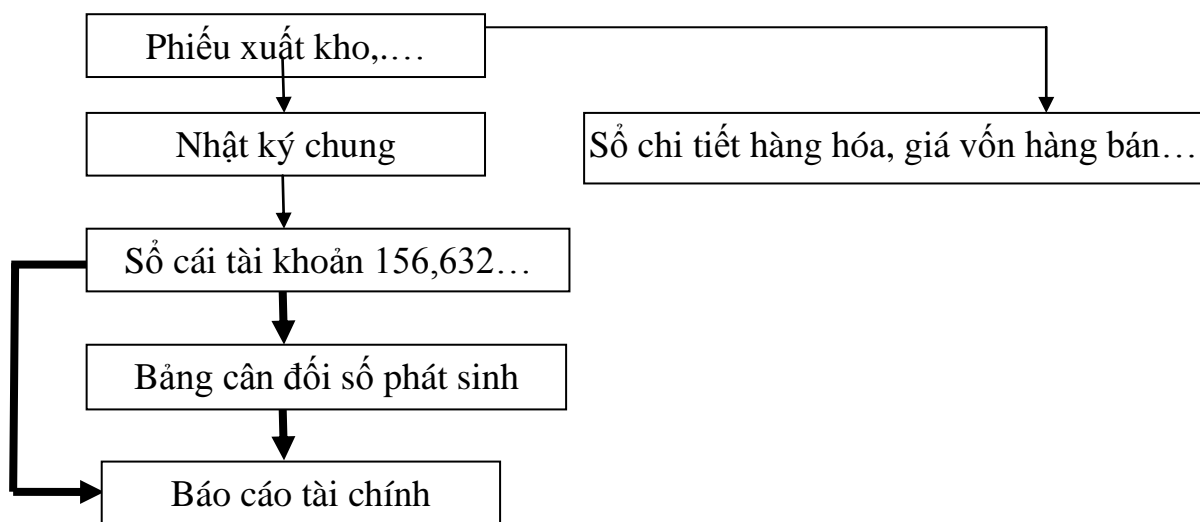
2.2.2 Thực trạng tổ chức kế toán giá vốn hàng bán, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí khác.

2.2.2.1 Kế toán giá vốn hàng bán

- ❖ Chứng từ sử dụng: phiếu xuất kho và các chứng từ có liên quan
- ❖ Tài khoản sử dụng:
 - TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 6321 : Giá vốn bán đá
 - TK63211: Giá vốn bán đá vôi bột
 - TK 63212 : Giá vốn bán đá đen
 - TK63213: Giá vốn bán đá Diatomite
- TK 6322 : Giá vốn cho thuê địa điểm văn phòng
- ❖ Phương pháp tính giá vốn

Chi nhánh công ty tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ.

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán Giá vốn hàng bán tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày.
- ↔ Đối chiếu số liệu cuối kỳ
- Ghi cuối kỳ

Khoá luận tốt nghiệp

Hàng ngày căn cứ chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các TK156, 632... Từ chứng từ gốc ghi vào sổ chi tiết TK156, 632...

Cuối kỳ, từ số liệu trên Sổ cái TK sẽ được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ Cái, Bảng cân đối số phát sinh được sử dụng lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 30/4/2012 Xuất kho bán đá vôi bột cho công ty xi măng Chinfon , khách hàng chưa thanh toán.

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 28/04 (biểu số 2.2.2.1.1) kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.1.2) đồng thời ghi vào sổ chi tiết giá vốn hàng bán (biểu số 2.2.2.1.3). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK632 (biểu số 2.2.2.1.4).

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh, số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh và Sổ cái và được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.1.1

**Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng**

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 30 tháng 04 năm 2012

Số: 28/04

TK Nợ: 63211

TK Có: 156

Họ tên người nhận hàng: Trần Văn Nam

Diễn giải: Xuất bán đá vôi bột cho công ty xi măng Chinfon

Xuất tại kho: Hàng hóa

Địa điểm: Minh Đức- Thủy Nguyên - Hải Phòng

STT	Tên nhãn hiệu, quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Đá vôi bột		Tấn		55.390,54	71.236	3.945.800.507
	Cộng						

Bằng chữ: Ba tỷ chín trăm bốn mươi năm triệu tám trăm nghìn năm trăm linh bảy đồng đồng./

Số chứng từ gốc kèm theo: 1 hóa đơn GTGT

Ngày 26 tháng 11 năm 2012

**Người lập
phiếu**
(Ký, Ghi rõ
họ tên)

**Người nhận
hàng**
(Ký, Ghi rõ họ
tên)

Thủ kho
(Ký, Ghi rõ
họ tên)

**Kế toán
trưởng**
(Ký, Ghi rõ
họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ
tên, đóng)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.1.2

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
02/02	0000054	02/02	Mua nguyên vật liệu nổ	152 131	30.909.090	30.909.090
02/02	0000054	02/02	Thuế GTGT đầu vào của vật liệu nổ	1331 131	3.090.909	3.090.909
07/02	PC05/02	07/02	Chi phí qldn-tiếp khách	642 111	4.500.000	4.500.000
07/02	PC05/02	07/02	Thuế GTGT đầu vào của chi phí qldn	1331 111	450.000	450.000
.....
....
24/03	PC36/03	24/03	Mua vật liệu nổ	152 111	18.097.500	18.097.500
24/03	PC36/03	24/03	Thuế GTGT đầu vào vật liệu nổ	1331 111	1.809.750	1.809.750
....
30/04	PX28/04	30/04	Xuất đá vôi cho công ty TNHH Thành Long	63211 156	3.945.800.507	3.945.800.507
29/12	PKT64	29/12	K/c giá vốn hàng bán	632 911	36.813.873.053	36.813.873.053
...
			Cộng		406.148.122.169	406.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.1.3

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số S35-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

TK 63211

Tên sản phẩm: giá vốn đá vôi bột

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Giá vốn hàng bán			Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
....	
PX15/01	20/01	Xuất bán cho cty cổ phần xây dựng và thương mại	156	5.872,403	71.236	418.326.529	
PX09/03	15/03	Xuất bán cho cty cổ phần xây dựng SHINEC	156	10.511,84	71.236	748.821.606	
....	
PX28/04	30/04	Bán cho Công ty xi măng Chinfon	156	55.390,54	71.236	3.945.800.507	
...	
PX32/12	29/12	Bán cho cty Xi măng Chinfon	156	35.879,99	71.236	2.557.229.590	
...	
		Cộng				36.813.873.053	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số: 2.2.2.1.4

**Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng**

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
....
28/02	PX25/02	28/02	Xuất bán cho cty TNHH XNK ThànhLong	156	575.314.842	
....
....
30/03	PX16/03	30/03	Xuất bán cho cty cổ phần xây dựng và thương mại	156	418.326.529	
....
30/04	PX28/04	30/04	Bán đá vôi cho công ty xi măng Chinfon	156	3.945.800.507	
.....
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911		36.813.873.053
			Cộng số phát sinh trong kỳ		36.813.873.053	36.813.873.053
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

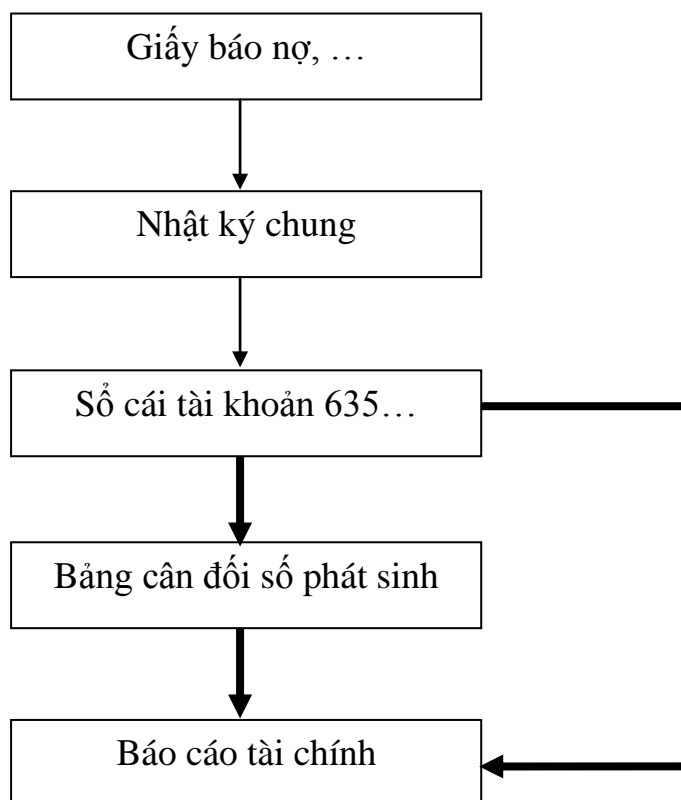
Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2.2 Kế toán chi phí hoạt động tài chính

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng là khoản lãi vay phải trả.

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Giấy báo nợ
 - Phiếu chi
 - Sổ phụ
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK 635: Chi phí hoạt động tài chính.
 - TK 112: Tiền gửi ngân hàng
 - TK 111: Tiền mặt

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán Chi phí hoạt động tài chính tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



Ghi chú:

—→ Ghi hàng ngày

—→ Ghi cuối kỳ

Khoá luận tốt nghiệp

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái tài khoản 635... Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo Cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 30/12/2012, chi nhánh công ty trả tiền lãi vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Thủy Nguyên số tiền 6.510.488.

Căn cứ vào giấy báo nợ (biểu số 2.2.2.2.1), kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.2.2.2). Từ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK635 (biểu số 2.2.2.2.3) và các sổ cái khác có liên quan.

Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Số liệu từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

GIẤY BÁO NỢ

Ngày 30 tháng 12 năm 2012

80/12



AGRIBANK

Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG

Địa chỉ: Thị trấn Minh Đức, Thủy Nguyên, Hải Phòng

Tài khoản số: 4047193538625

Nội dung: Lãi vay tháng 12

PHẦN DO NGÂN HÀNG GHI
TK Nợ
TK Có

Số tiền: 6.510.488

Viết bằng chữ: Sáu triệu năm trăm mười nghìn bốn trăm tám mươi tám đồng.

Sổ phụ
(Đã ký)

Kế toán
(Đã ký)

Kế toán trưởng
(Đã ký)

Giám đốc
(Đã ký)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số: 2.2.2.2.2

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
.....
02/12	PC07/12	02/12	Mua vật liệu nổ	152 111	4.500.000	4.500.000
02/12	PC07/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào vật liệu nổ	1331 111	450.000	450.000
02/12	PC08/12	02/12	Taanh toán chi phí qlđn	642 111	3.040.000	3.040.000
02/12	PC08/12	02/12	Thuế GTGT đầu vào chi phí qlđn	1331 111	304.000	304.000
.....
30/12	PT20/12	30/12	Rút tiền gửi ngân hàng nhập quỹ	111 112	50.000.000	50.000.000
30/12	GBN80/12	30/12	Trả lãi vay cho Ngân hàng Agribank	635 112	6.510.488	6.510.488
...
...
			Cộng số phát sinh		206.148.122.169	206.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số: 2.2.2.2.3

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635
Tên TK: Chi phí hoạt động tài chính
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:		-	-
			Số phát sinh trong kỳ:			
....
01/12	GBN01/12	01/12	Trả lãi vay cho ngân hàng SHB	112	13.539	
02/12	GBN02/12	02/12	Trả lãi vay cho ngân hàng Viettin Bank	112	1.430.000	
02/12	GBN03/12	02/12	Trả lãi vay cho ngân hàng Agribank	112	4.520.000	
02/12	GBN04/12	02/12	Trả lãi vay cho ngân hàng SHB	112	4.684.742	
....
29/12	GBN79/12	29/12	Trả lãi vay cho ngân hàng TM CP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	112	6.686.335	
30/12	GBN80/12	30/12	Trả lãi vay cho Ngân hàng Agribank	112	6.510.488	
....
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí	911		746.201.528
			Cộng số phát sinh		746.201.528	746.201.528
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2.3 Kế toán chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phát sinh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng bao gồm: chi phí lưu kho bãi, chi phí hoa hồng bán hàng...

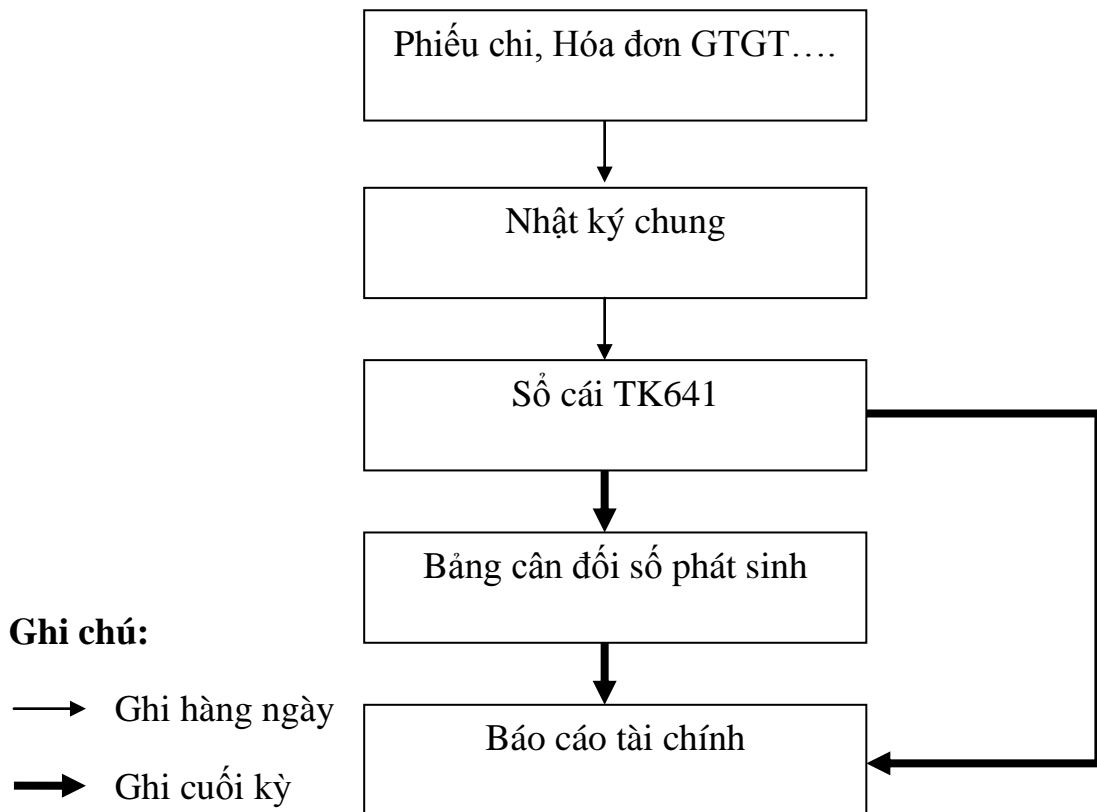
❖ **Tài khoản sử dụng:**

- TK 641: Chi phí bán hàng.
- Và các tài khoản liên quan: TK111, 112....

❖ **Chứng từ kế toán sử dụng**

- Phiếu chi, Hóa đơn GTGT...

Sơ đồ 2.9: Quy trình hạch toán Chi phí bán hàng tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu ghi trên sổ Nhật ký chung ghi vào Sổ cái TK641... Cuối kỳ, kế toán tổng hợp số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4 Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là những khoản chi phí liên quan đến hoạt động quản lý của doanh nghiệp như các chi phí về nhân viên quản lý, khấu hao tài sản cố định, thuê, phí lệ phí, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

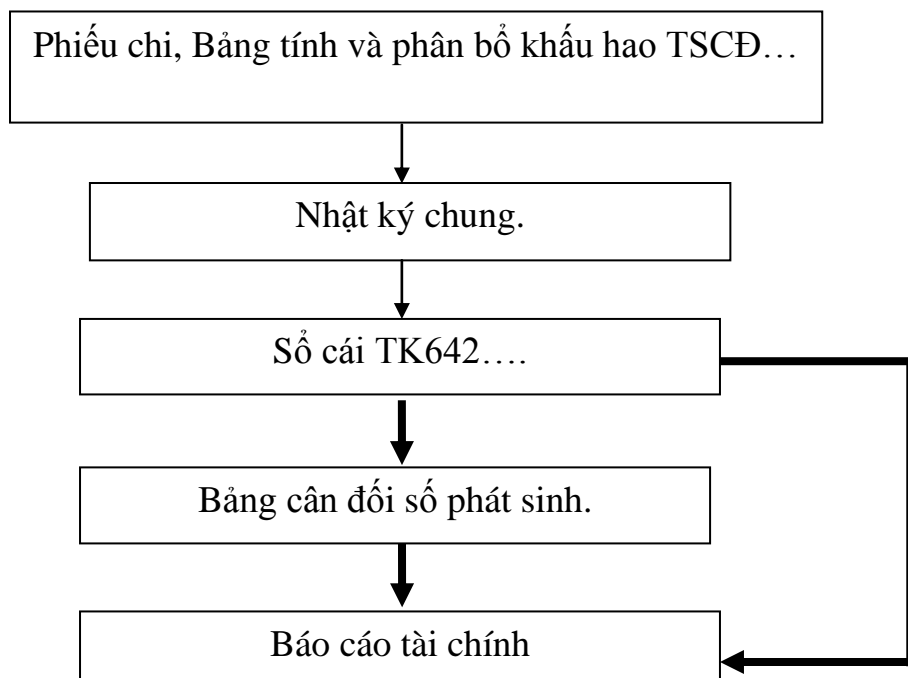
❖ Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi, hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng thông thường.
- Bảng phân bổ tiền lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Giấy đề nghị thanh toán
- Các chứng từ khác có liên quan.

❖ Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Và các tài khoản có liên quan: TK111, TK112,

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



Ghi chú:

→ Ghi hàng ngày

➔ Ghi cuối kỳ

Khoá luận tốt nghiệp

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 642....Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 06/02 /2012 thanh toán tiền tiếp khách hội nghị kiểm tra liên ngành kho VLN cho doanh nghiệp tư nhân Đông Dương Quán bằng tiền mặt số tiền: 5.500.000(giá đã bao gồm thuế GTGT 10%).

Căn cứ vào Hóa đơn GTGT số 0000586 (biểu số 2.2.2.4.1) và giấy đề nghị thanh toán kế toán lập phiếu chi (biểu số 2.2.2.4.2). Từ phiếu chi kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.2.2.4.3). Từ nhật ký chung, kế toán ghi vào sổ cái TK 642(2.2.2.4.4), TK133, TK111. Cuối kỳ, từ Sổ cái các tài khoản được sử dụng để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Bảng cân đối số phát sinh, Sổ cái sẽ được sử dụng để lập Báo cáo tài chính.

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.1

HOÁ ĐƠN

GIÁ TRỊ GIA TANG

Liên 2: Giao người mua

Ngày 30 tháng 01 năm 2012

Mẫu số:

01GTTT3/001

Ký hiệu: AA/11P

Số: **0000586**

Đơn vị bán hàng: **Doanh nghiệp tư nhân Đông Dương Quán**

Mã số thuế: **0200838737**

Địa chỉ: **Số 6/43 Trần Phú, phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, Hải Phòng**

Điện thoại: Số tài khoản: Fax:

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty cổ phần VLXD số 9 Hải Phòng

Mã số thuế: 0200154293

Địa chỉ: Minh Đức, Thủy Nguyên, HP

Hình thức thanh toán: TM Số tài khoản:

STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Tiếp khách				5.000.000

Cộng tiền hàng 5.000.000

Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT 500.000

Tổng cộng tiền thanh toán: 5.500.000

Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu năm trăm trăm nghìn đồng chẵn./

Người mua hàng

Người bán hàng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký và ghi rõ họ tên)

(Ký ghi rõ họ tên)

(ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Kính gửi: - Ông Tổng Giám đốc Công ty cổ phần VLXD số 9 HP

Tên tôi là: **Đỗ Ngọc Hưng**- Phòng KH – KT Công ty.

Được sự đồng ý của lãnh đạo Công ty Tôi có chi phí tiếp đoàn kiểm tra liên ngành công an thành phố kiểm tra tình hình quản lý vận chuyển VLNCN tại 2 khu vực Lại Xuân và Minh Đức của Công ty như sau:

Hóa đơn số : 0000586 ngày 30/1/2012 số tiền: 5.500.000đ

***Tổng số tiền thanh toán là: 5.500.000**

Bằng chữ: (Năm triệu năm trăm nghìn đồng chẵn).

Vậy đề nghị Ông Tổng giám đốc Công ty, phòng Kế toán Tài vụ thanh toán cho Tôi số tiền trên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2012

Tổng giám đốc duyệt

Phòng kt-tv

**Người đề nghị thanh
toán**

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.2

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD số 9

HẢI PHÒNG

Địa chỉ : TT Minh Đức- Thủy Nguyên- HP

Điện thoại : 0313.675419 Fax : 0313.675437

Mẫu số: 02-TT

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 06 tháng 02 năm 2012

Quyển số:...

Số: 25/1

Nợ 6428 : 5.000.000

Nợ 1331 : 500.000

Có 1111 : 5.500.000

Họ tên người nhận tiền: Đỗ Ngọc Hưng

Địa chỉ: Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Lý do chi: Hội nghị kiểm tra liên ngành kho VLN

Số tiền: 5.500.000 đồng (**viết bằng chữ**) : Năm triệu năm trăm ngàn đồng chẵn.

Kèm theo:1.....Chứng từ gốc

Ngày tháng năm

Giám đốc

*(Ký, họ tên,
đóng dấu)*

**Kế toán
trưởng**

(Ký, họ tên)

**Người lập
phiếu**

(Ký, họ tên)

Người nhận

(Ký, họ tên)

Thủ quỹ

(Ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.3

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải
Phòng

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SH TK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
....
02/01	PC01/1	02/01	Thanh toán chi phí hành chính bằng tiền mặt	152 111	3.040.000	3.040.000
02/01	PC02/1	02/01	Thuế GTGT đầu vào	1331 111	304.000	304.000
.....
30/01	PT20/1	30/01	Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt	111 112	250.000.000	250.000.000
30/01	GBN25/01	30/01	Trả lãi vay cho Ngân hàng VIB Bạch Đằng	635 112	35.510.488	35.510.488
...
30/01	PC45/1	30/01	Thanh toán tiền tiếp khách	642 111	5.000.000	5.000.000
30/01	PC45/1	30/01	Thuế GTGT đầu vào của nước uống	1331 111	500.000	500.000
.....
			Cộng số phát sinh		406.148.122.169	406.148.122.169

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.2.4.4

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9
Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên TK: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
			Số phát sinh trong kỳ			
....
30/01	PC45/1	30/01	Thanh toán tiền tiếp khách hội nghị	111	5.000.000	
31/01	PKT03	31/01	Phải trả lương cho nhân viên văn phòng tháng 1	334	70.391.719	
31/01	PKT03	31/01	Các khoản trích theo lương tháng 1	338	16.190.095	
31/01	PKT05	31/01	Trích hao mòn TSCĐ cho bộ phận QLDN	214	34.496.387	
...
05/12	PC12/12	05/12	Thanh toán tiền điện tháng 11	111	592.800	
05/12	PC16/12	05/12	Mua phần mềm diệt virus thanh toán bằng TM	111	600.000	
....
31/12	PKT66	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911		4.974.924.379
			Cộng số phát sinh trong kỳ		4.974.924.379	4.974.924.379
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

2.2.2.5 Kế toán chi phí khác:

Chi phí khác phát sinh tại chi nhánh công ty bao gồm: nộp phạt hành chính do mất hóa đơn GTGT, phạt do vi phạm hợp đồng với khách hàng, phạt chậm nộp bảo hiểm xã hội.

❖ Chứng từ sử dụng

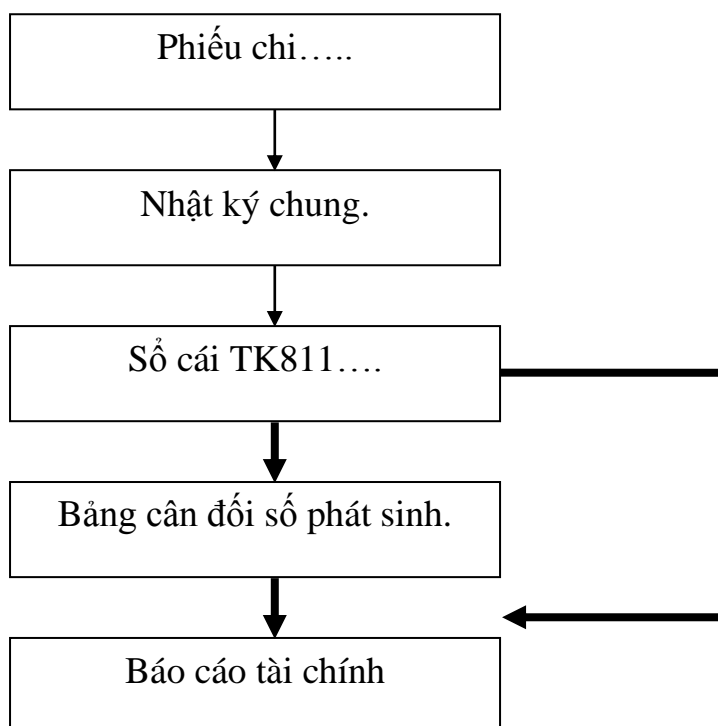
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan

❖ Tài khoản sử dụng:

- TK 811: Chi phí khác
- Và các tài khoản có liên quan: TK111, TK112....

Sơ đồ 2.11: Quy trình hạch toán chi phí khác tại Công ty cổ phần vật liệu

xây dựng số 9 Hải Phòng



Ghi chú

- Ghi hàng ngày
- ➔ Ghi cuối kỳ

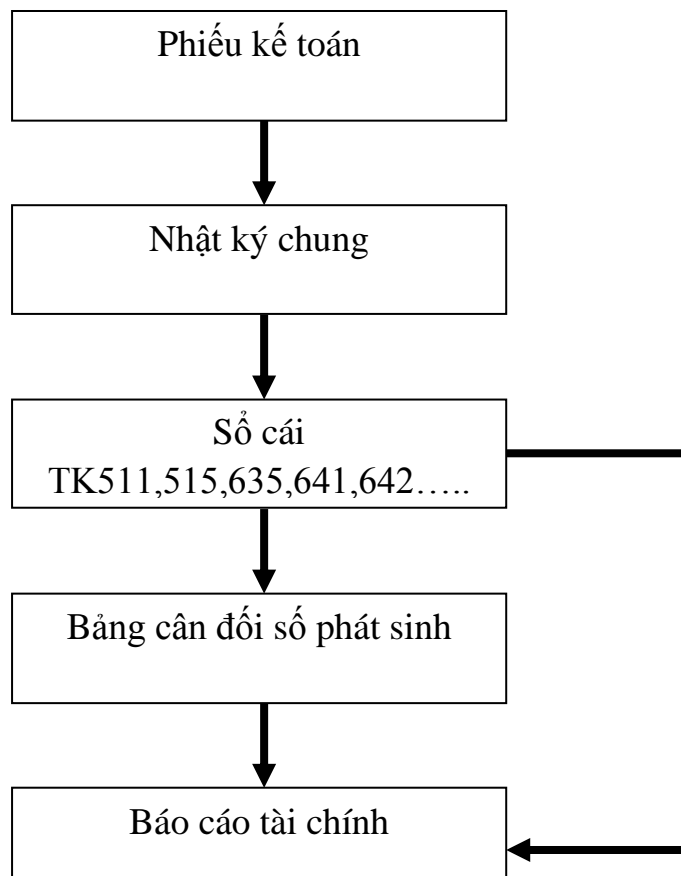
Khoá luận tốt nghiệp

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra, kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 811... Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ Sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái và Bảng cân đối số phát sinh được dùng để lập Báo cáo tài chính.

2.2.3 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

- ❖ Chứng từ sử dụng
 - Phiếu kế toán
- ❖ Tài khoản sử dụng
 - TK911: Xác định kết quả kinh doanh
 - TK421: Lợi nhuận chưa phân phối
 - TK821: Chi phí thuế TNDN
 - Và các tài khoản khác có liên quan: TK 333, TK511, TK 632....

Sơ đồ 2.12 : Quy trình hạch toán kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng



Cuối năm, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển doanh thu, chi phí, xác định kết quả kinh doanh, tính số thuế TNDN phải nộp. Từ phiếu kế toán,

Khoá luận tốt nghiệp

kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung và Sổ cái các tài khoản có liên quan. Từ Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ: Ngày 31/12/2012 Kế toán thực hiện tính toán kết chuyển lãi lỗ của toàn bộ hoạt động kinh doanh năm 2012. Trong đó:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: 45.669.721.385
- Giá vốn hàng bán: 36.813.873.053
- Doanh thu hoạt động tài chính: 40.510.898
- Chi phí hoạt động tài chính: 746.201.528
- Chi phí bán hàng: 0
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 4.974.924.379
- Thu nhập khác : 351.367.749
- Chi phí khác: 0

<i>Kết quả kinh doanh</i>	<i>=</i>	<i>Doanh thu thuần</i>	<i>-</i>	<i>Giá vốn</i>	<i>+</i>	<i>Doanh thu hoạt động tài chính</i>	<i>-</i>	<i>Chi phí tài chính</i>	<i>-</i>	<i>Chi phí BH</i>	<i>-</i>	<i>Chi phí QL DN</i>	<i>+</i>	<i>Thu nhập khác</i>	<i>-</i>	<i>Chi phí khác</i>
---------------------------------------	----------	--------------------------------	----------	--------------------	----------	--	----------	----------------------------------	----------	---------------------------	----------	----------------------------------	----------	------------------------------	----------	-----------------------------

Kết quả kinh doanh = 45.669.721.385 – 36.813.873.053 + 40.510.898 – 746.201.528 – 4.974.924.379 + 351.367.749 = 3.526.601.072

Kết quả kinh doanh = 3.526.601.072 > 0 → Lãi

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (a): 3.526.601.072

Các khoản điều chỉnh tăng/ giảm lợi nhuận (b) : 324.970.955

- Các khoản điều chỉnh tăng: 324.970.955

Thu nhập chịu thuế (c) = (a) + (b) : 3.851.572.027

Thuế TNDN trong năm (d) = (c) x 25% : 962.893.007

Thuế TNDN được giảm trong năm (e) = (d) x 30%: 288.867.902

Thuế TNDN phải nộp trong năm (f) = (d) – (e) : 674.025.105

Thuế TNDN phải nộp: 674.025.105

Căn cứ vào Phiếu kế toán (biểu số 2.2.3.1 đến biểu 2.2.3.11) kế toán tiến hành ghi vào Sổ Nhật ký chung (biểu số 2.2.3.12). Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào Sổ cái TK911 (biểu số 2.2.3.13) và các sổ cái khác có liên quan. Từ Sổ cái kế toán lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ Sổ cái, Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.1

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 61

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Doanh thu bán hàng	511	911	45.669.721.385
	Tổng			45.669.721.385

Bằng chữ : (Bốn mươi năm tỷ sáu trăm sáu chín triệu bảy trăm hai mươi một nghìn ba trăm tám năm đồng.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.2

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 62

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	40.510.898
	Tổng			40.510.898

Bằng chữ : (Bốn mươi triệu năm trăm mười nghìn tám trăm chín tám đồng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.3

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 63

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Thu nhập khác	711	911	351.367.749
	Tổng			351.367.749

Bằng chữ : (Ba trăm năm mươi một triệu ba trăm sáu bảy nghìn bảy trăm bốn chín đồng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.4

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 64

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Giá vốn hàng bán	911	632	36.813.873.053
	Tổng			36.813.873.053

Bằng chữ : (Ba mươi sáu tỷ tám trăm mười ba triệu tám trăm bảy ba nghìn không trăm năm ba đồng.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.5

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 65

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí tài chính	911	635	746.201.528
	Tổng			746.201.528

Bằng chữ: (Bảy trăm bốn mươi sáu triệu hai trăm linh một nghìn năm trăm hai tám đồng.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.6

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 66

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	4.974.924.379
	Tổng			4.974.924.379

Bằng chữ : (Bốn tỷ chín trăm bảy mươi tư triệu chín trăm hai mươi tư nghìn ba trăm bảy mươi chín đồng.)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.7

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 67

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	674.025.105
	Tổng			674.025.105

Bằng chữ: (Sáu trăm bảy mươi tư triệu không trăm hai mươi năm ngàn một trăm lẻ năm đồng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Biểu số 2.2.3.8

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 68

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Chi phí thuế TNDN	911	821	674.025.105
	Tổng			674.025.105

Bằng chữ: (Sáu trăm bảy mươi tư triệu không trăm hai mươi năm ngàn một trăm lẻ năm đồng)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.9

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 69

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
01	K/c Lợi nhuận sau thuế	911	421	2.852.575.967
	Tổng			2.852.575.967

Bằng chữ: (Hai tỷ tám trăm năm mươi hai triệu năm trăm bảy mươi năm ngàn chín trăm sáu bảy đồng chẵn)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập phiếu

(Đã ký)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.12

CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD SỐ 9
HẢI PHÒNG

Mẫu số S03a-DN
(Ban hành theo QĐ15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
...
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển doanh thu	511 911	45.669.721.385	45.669.721.385
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển DTHĐTC	515 911	40.510.898	40.510.898
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711 911	351.367.749	351.367.749
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển chi phí	911 632	36.813.873.053	36.813.873.053
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí HĐTC	911 635	746.201.528	746.201.528
31/12	PKT66	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	911 642	4.974.924.379	4.974.924.379
31/12	PKT67	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	821 3334	674.025.105	674.025.105
31/12	PKT68	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911 821	674.025.105	674.025.105
31/12	PKT69	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911 421	2.852.575.967	2.852.575.967
			Cộng		406.148.122.169	406.148.122.169

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khoá luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.13

**CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD SỐ 9
HẢI PHÒNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên TK: Xác định kết quả hoạt động kinh doanh
Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT61	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		45.669.721.385
31/12	PKT62	31/12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515		40.510.898
31/12	PKT63	31/12	Kết chuyển thu nhập khác	711		351.367.749
31/12	PKT64	31/12	Kết chuyển giá vốn hàng bán	632	36.813.873.053	
31/12	PKT65	31/12	Kết chuyển chi phí tài chính	635	746.201.528	
31/12	PKT66	31/12	Kết chuyển chi phí QLDN	642	4.974.924.379	
31/12	PKT68	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	821	674.025.105	
31/12	PKT69	31/12	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	421	2.852.575.967	
			Cộng số phát sinh trong kỳ		46.061.600.032	46.061.600.032
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.14

**CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD SỐ 9
HẢI PHÒNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ-BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 821

Tên TK: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHT K đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT69	31/12	Xác định thuế TNDN phải nộp	3334	1.028.347.984	
31/12	PKT70	31/12	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911		1.028.347.984
			Cộng số phát sinh trong kỳ		1.028.347.984	1.028.347.984
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.15

**CÔNG TY CỔ PHẦN VLXD SỐ 9
HẢI PHÒNG**

**Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ 15/2006 QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)**

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 421

Tên TK: Lợi nhuận chưa phân phối

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			<u>3.489.592.434</u>
			Số phát sinh trong kỳ			
31/12	PKT71	31/12	Kết chuyển lãi	911		2.852.575.967
			Cộng số phát sinh trong kỳ		-	2.852.575.967
			Số dư cuối kỳ			<u>6.342.168.401</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, Ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Khóa luận tốt nghiệp

Biểu số 2.2.3.16

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU
XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG**

Mẫu số B02-DN

*(ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)*

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

(Trích)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ	01	VI.25	45.669.721.385	45.890.044.317
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ(10 = 01-02)	10		45.669.721.385	45.890.044.317
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	36.813.873.053	36.576.391.495
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)	20		8.855.848.332	9.313.652.822
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	40.510.898	34.603.728
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	746.201.528	950.944.000
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		746.201.528	950.944.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lí doanh nghiệp	25		4.974.924.379	4.029.372.571
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22)-(24+25)	30		3.175.233.323	4.029.372.571

Khóa luận tốt nghiệp

11. Thu nhập khác	31		351.367.749	264.059.090
12. Chi phí khác	32		-	63.622.650
13. Lợi nhuận khác(40=31-32)	40		351.367.749	200.436.440
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50		3.526.601.072	4.229.809.011
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	674.025.105	740.216.577
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51-52)	60		2.852.575.967	3.489.592.43

Lập ngày...tháng...năm...

Người lập biểu
(đã ký)

Kế toán trưởng
(đã ký)

Giám đốc
(đã ký)

CHƯƠNG 3:
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.

3.1.1. Kết quả đạt được:

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng, em nhận thấy tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại chi nhánh công ty đã đạt được những kết quả như sau:


3.1.1.1 Về tổ chức bộ máy kế toán

✓ Bộ máy kế toán của chi nhánh công ty được tổ chức theo mô hình tập trung là phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh và yêu cầu quản lý của chi nhánh công ty. Mỗi kế toán viên sẽ đảm nhận chức năng nhiệm vụ của mình dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của kế toán trưởng, đảm bảo sự chuyên môn hóa của các cán bộ kế toán, đồng thời phát huy trình độ của mỗi nhân viên.

✓ Về nhân sự, bộ phận kế toán có 8 người trong đó có 01 kế toán trưởng, 01 phó phòng, 05 nhân viên kế toán và một thủ quỹ rất phù hợp với khối lượng công việc kế toán tại công ty. Thêm vào đó, đội ngũ kế toán có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn cao (trình độ từ cao đẳng trở lên) giúp cho công tác kế toán tại chi nhánh công ty được thực hiện chính xác và kịp thời.

✓ Thông tin do bộ phận kế toán cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời nên việc đối chiếu kiểm tra số liệu với bộ phận kinh doanh và lập báo cáo tài chính được thuận lợi, dễ dàng. Đồng thời giúp cho công tác quản lý doanh nghiệp đạt hiệu quả cao.

3.1.1.2 Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

 Về chứng từ kế toán và tài khoản kế toán sử dụng :

✓ Các chứng từ sử dụng cho việc hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ kế toán phát sinh, đúng với mẫu do Bộ tài chính quy định. Quy trình luân chuyển chứng từ khá nhanh chóng, kịp thời.

✓ Công ty áp dụng hệ thống tài khoản thống nhất theo chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của Bộ trưởng Bộ tài chính. Hệ thống tài khoản kế toán sử dụng tương đối đầy đủ, có sử dụng tài khoản chi tiết.

Về tổ chức hệ thống sổ kế toán:

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung, ưu điểm của hình thức này là khá đơn giản từ mẫu sổ sách cho đến cách thức vào sổ, thuận tiện cho phân công công việc, dễ dàng thuận tiện cho việc theo dõi, kiểm tra đối chiếu số liệu giữa các sổ sách liên quan.

Về việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Chi nhánh công ty .

✓ Về **hạch toán doanh thu**: Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

✓ Về **hạch toán chi phí**: Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được hạch toán đầy đủ và kịp thời. Chi nhánh công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và tính trị giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ là phù hợp với loại hình kinh doanh của chi nhánh công ty.

✓ Về **kế toán xác định kết quả kinh doanh**: Cuối năm, chi nhánh công ty tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

3.1.2 Hạn chế:

Bên cạnh những kết quả đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng còn một số mặt hạn chế như sau:

3.1.2.1 Về sổ sách sử dụng

✓ Công ty chưa mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 dẫn đến khó theo dõi từng loại chi phí phát sinh liên quan đến chi phí QLDN, gây ảnh hưởng đến công tác quản lý chi phí.

✓ Công ty chưa mở bảng tổng hợp doanh thu bán hàng theo từng mặt hàng, Bảng tổng hợp doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ gây khó khăn cho việc đối chiếu với Sổ cái TK511

3.1.2.2 Chưa áp dụng chiết khấu thanh toán:

Chiết khấu thanh toán là khoản tiền doanh nghiệp bán giảm trừ cho người mua, do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn trong hợp đồng. Khi công ty không áp dụng chính sách chiết khấu thanh toán cho những khách hàng thanh toán sớm so với thời gian ghi trong hợp đồng sẽ không kích thích được khách hàng thanh toán trước hạn. Điều này sẽ làm chậm khả năng thu hồi vốn của doanh nghiệp.

3.1.2.4 Về việc ứng dụng công nghệ thông tin

Hiện nay, chi nhánh công ty mới chỉ thực hiện công tác kế toán trên excell nên mất khá nhiều thời gian, công sức, đôi khi còn có sự nhầm lẫn, sai lệch về số liệu và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

3.2 GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN, DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 9 HẢI PHÒNG.

3.2.1 Nguyên tắc của việc hoàn thiện:

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

✓ Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.

✓ Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.

✓ Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.

✓ Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

3.2.2.1 Hoàn thiện sổ sách sử dụng

➤ Chi nhánh công ty nên mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK642 sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi từng yếu tố chi phí phát sinh nhằm tăng cường công tác quản lý chi phí tại chi nhánh công ty.

Khóa luận tốt nghiệp

☞ Sau đây em xin đưa ra mẫu sổ như sau:

Biểu số 3.2.2.1

Đơn vị:
Địa chỉ:

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các TK 621, 622, 623, 627, 154, 631, 641, 642, 142, 242, 335, 632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ.....

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản....								
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra							
						2	3	4	5	6	7	8	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	8	
			-Số dư đầu kỳ										
			-Số phát sinh trong kỳ										
			-Cộng SPS trong kỳ										
			-Ghi Có TK...										
			-Số dư cuối kỳ										

- Sổ này cótrang, đánh số từ trang 01 đến trang

- Ngày mở sổ:....

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Khóa luận tốt nghiệp

☞ Em xin lập sổ như sau:

Biểu số 3.2.2.2

Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng

Mẫu số S36 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 642

Năm 2012

Đơn vị tính: Đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Ghi Nợ Tài khoản 642							
	Số hiệu	Ngày tháng			Tổng số tiền	Chia ra						
						6421	6423	6424	6425	6427	6428	
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5	6	7	
...
29/11	PC121/11	29/11	Thanh toán tiền mua văn phòng phẩm	111	1.324.318		1.324.318					
...
05/12	PC12/12	05/12	Thanh toán tiền điện thoại tháng 11	111	592.800					592.800		
...
28/12	PC112	28/12	Thanh toán tiền thuê phòng, dịch vụ	111	1.581.818							1.581.818
....
30/12	PC113	30/12	Thanh toán tiền	112	8.500.000				8.500.000			

Khóa luận tốt nghiệp

			tiếp khách								
31/12	PKT58	31/12	Thanh toán tiền lương T12	334	87.894.063	87.894.063					
....
31/12	PKT60	31/12	Khấu hao TSCĐ T12	214	27.409.192			27.409.192			
			Cộng		4.974.924.379	2.068.096.734	292.560.574	228.086.139	385.125.931	451.681.655	1.549.373.346

Người ghi sổ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

3.2.2.2 Về việc áp dụng chiết khấu thanh toán:

Công ty nên áp dụng chiết khấu thanh toán. Việc sử dụng chính sách chiết khấu thanh toán sẽ giúp cho chi nhánh công ty khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh chóng tiền hàng trước hạn, tránh tình trạng khách hàng chiếm dụng vốn lớn và lâu dài.

Phương pháp xác định:

✓ Mức chiết khấu thanh toán có thể được chi nhánh công ty xây dựng dựa trên thực tế của chi nhánh công ty, nhưng cũng có thể tham khảo của một số doanh nghiệp cùng ngành tương đồng về quy mô. Tỷ lệ chiết khấu thanh toán được kế toán ước tính căn cứ vào quy mô nợ, tình hình thanh toán, thời gian trả nợ trước hạn và tỷ lệ lãi suất của Ngân hàng.

✓ Khoản chiết khấu thanh toán sẽ được áp dụng với những khách hàng nợ lớn và thanh toán tiền trước thời hạn quy định, khoản chiết khấu thanh toán này được hạch toán vào TK635 – Chi phí hoạt động tài chính.

Phương pháp hạch toán:

✓ Khi áp dụng chiết khấu thanh toán cho khách hàng:

Nợ TK635: Chi phí hoạt động tài chính

Có TK 111, 112, 131, ...

✓ Cuối kỳ kết chuyển chi phí hoạt động tài chính sang TK911

Nợ TK911: Xác định kết quả kinh doanh

Có TK635: Chi phí hoạt động tài chính

3.2.2.3 Về việc áp dụng phần mềm kế toán:

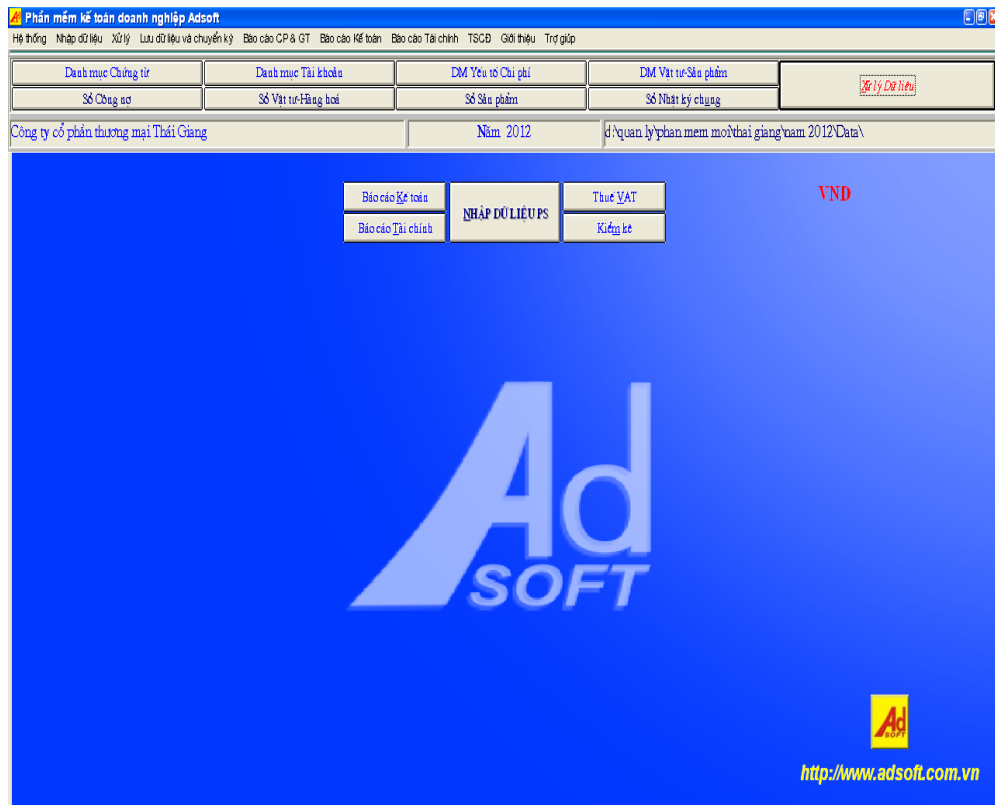
Kinh tế thị trường ngày càng phát triển thì quy mô của các doanh nghiệp ngày càng mở rộng, tính chất hoạt động ngày càng cao làm cho nhu cầu nhận và xử lý thông tin ngày càng trở lên khó khăn, phức tạp vì thế để tăng hiệu quả trong công tác kế toán, chi nhánh công ty nên áp dụng phần mềm kế toán để tiết kiệm thời gian, công sức. Phần mềm kế toán cung cấp tức thì bất kỳ số liệu và báo cáo kế toán nào, tránh sai lệch số liệu, tiết kiệm nguồn nhân lực, chi phí và tăng cường tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân sự, làm gia tăng giá trị thương hiệu trong con mắt của đối tác, khách hàng và nhà đầu tư.

Hiện nay trên thị trường có rất nhiều phần mềm kế toán như MISA, FAST, DMA, GAMA, ASOFT, ADSOFT, METADATA, CYBER ACCOUNTING..... công ty nên tìm hiểu mua và sử dụng

Sau đây em xin đưa ra giao diện các phần mềm kế toán:

Khóa luận tốt nghiệp

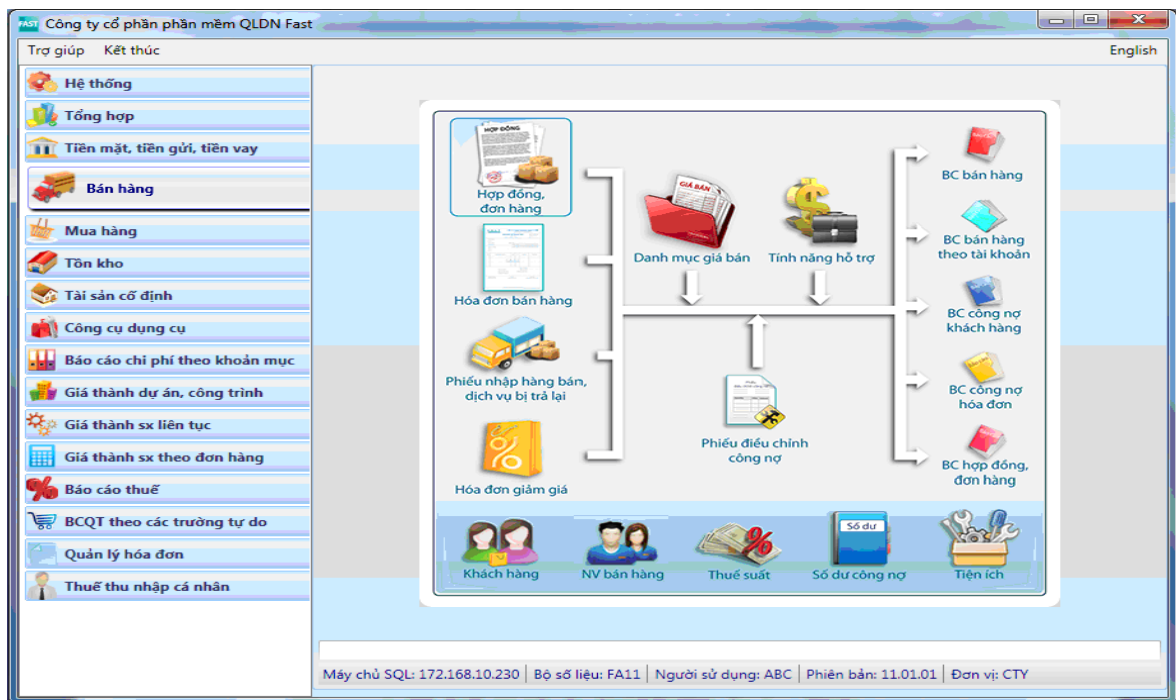
Phần mềm kế toán ADSOFT



Phần mềm kế toán Cyber accounting



Phần mềm kế toán FAST



3.2.4. Ý nghĩa của việc hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng.

Đối với công tác quản lý, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp cho các đơn vị quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và việc sử dụng các khoản chi phí. Từ đó doanh nghiệp sẽ có biện pháp thúc đẩy quá trình tiêu thụ hàng hóa, điều tiết chi phí, hoàn thiện quá trình này cho phép hạ giá thành hàng hóa, tăng doanh thu cho doanh nghiệp, xác định đúng đắn kết quả hoạt động kinh doanh, phân phối thu nhập chính xác, kích thích người lao động và thực hiện tốt nghĩa vụ đối với Ngân sách Nhà nước.

Đối với công tác kế toán, hoàn thiện quá trình nghiệp vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ cung cấp tài liệu có độ tin cậy cao. Thông qua các số liệu kế toán phản ánh được những thuận lợi, khó khăn của doanh nghiệp, từ đó nhà quản lý đề ra những biện pháp giải quyết kịp thời khó khăn hoặc phát huy những thuận lợi nhằm mục đích giúp doanh nghiệp ngày càng phát triển.

KẾT LUẬN

Trên đây là toàn bộ nội dung cuốn khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “*Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng*”

Qua thời gian thực tập và tìm hiểu lý luận với thực tiễn, em thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận không thể tách rời trong toàn bộ công tác kế toán tại doanh nghiệp. Nó cung cấp số liệu về kế toán kịp thời cho việc phân tích tình hình sản xuất, tiêu thụ và thanh toán công nợ, phản ánh đầy đủ kết quả cuối cùng của quá trình sản xuất, kinh doanh phục vụ đắc lực cho việc sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Xuất phát từ tầm quan trọng đó, Công ty cổ phần vật liệu xây dựng số 9 Hải Phòng đã rất coi trọng công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh. Từ đó xác định được uy tín với khách hàng và có được vị trí như ngày hôm nay.

Trong quá trình thực tập tại công ty, do trình độ còn hạn chế và thời gian không có nhiều nên em chỉ đi vào những vấn đề cơ bản và chủ yếu. Trên cơ sở những ưu điểm và tồn tại của công ty, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Cô giáo – Thạc sĩ Lê Thị Nam Phương, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và các cô trong phòng Kế toán tại công ty đã giúp em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Sinh viên
Nguyễn Thị Huyền Trang

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Phú Giang (2005) - *Kế Toán Thương Mại*: NXB Thống kê
2. Trần Hữu Thực (2006) - *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1)*: NXB Tài Chính
3. Trần Hữu Thực (2006) - *Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 2)*: NXB Tài Chính
4. Bùi Văn Trường (2008) - *Kế toán chi phí*: NXB Lao động - Xã hội
5. *Quyết định số 15* của Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành ngày 20/03/2006
6. Khóa luận của các khóa 11,12 tại thư viện trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

STT	Kí hiệu viết tắt	Chữ viết tắt
01	GTGT	Giá trị gia tăng
02	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
03	TSCĐ	Tài sản cố định
04	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
05	TK	Tài khoản
06	SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa
07	TNHH	Trách Nhiệm Hữu Hạn
08	XDCB	Xây dựng cơ bản
09	BDS	Bất động sản
10	VNĐ	Việt Nam đồng
11	K/c	Kết chuyển
12	QLDN	Quản lí doanh nghiệp
13	TP	Thành phẩm
14	DV	Dịch vụ
15	SHB	Ngân hàng Cổ Phần Thương Mại Sài Gòn – Hà Nội
16	Agribank	Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam
17	NSNN	Ngân sách Nhà Nước
18	LN	Lợi nhuận
19	SXKD	Sản xuất kinh doanh
20	CCDC	Công cụ dụng cụ
21	BTC	Bộ tài chính
22	PP	Phương pháp
23	Ft	Feet
24	Vp	Văn phòng
25	XĐ	Xác định

